

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN VĂN TRÌNH

**XÓA ÁN TÍCH THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHAN VĂN TRÌNH

**XÓA ÁN TÍCH THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành : Luật hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số : 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. HỒ SỸ SƠN**

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám đốc, các Khoa, Phòng và quý Thầy Cô của Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, đã nhiệt tình truyền đạt những kiến thức và tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn thạc sỹ Luật học.

Đặc biệt, với lòng kính trọng và biết ơn, tôi xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn đã tận tâm hướng dẫn, định hướng chuyên môn, giúp đỡ tận tình và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất trong quá trình thực hiện luận văn.

Bên cạnh đó, tôi cũng gửi lời cảm ơn của mình đến cơ quan, bạn bè, đồng nghiệp luôn quan tâm, tạo điều kiện, chia sẻ, động viên tôi trong suốt thời gian học tập và thực hiện luận văn.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng trong quá trình thực hiện luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi mong nhận được sự góp ý của quý Thầy, Cô và bạn bè đồng nghiệp.

Trân trọng cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn thạc sỹ Luật học “*Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với công trình khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc. Luận văn này là công trình nghiên cứu của bản thân tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này

Tác giả luận văn

Phan Văn Trình

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁN TÍCH VÀ XÓA ÁN TÍCH.....	6
1.1 Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của xóa án tích	6
1.2. Khái quát lập pháp hình sự Việt Nam về xóa án tích từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015.....	19
1.3. Xóa án tích theo pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	21
Kết luận Chương 1	27
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ XÓA ÁN TÍCH	28
2.1. Thực trạng quy định của luật hình sự về xóa án tích.	28
2.2. Các trường hợp về xóa án tích	30
Kết luận Chương 2	55
CHƯƠNG 3. THỰC TIỄN XÓA ÁN TÍCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO XÓA ÁN TÍCH ĐÚNG	56
3.1. Thực tiễn xóa án tích trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	56
3.2. Những đòi hỏi và giải pháp bảo đảm xóa án tích đúng pháp luật.....	69
KẾT LUẬN	75
TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS : Bộ luật hình sự

BLTTHS : Bộ luật Tố tụng hình sự

LLTP : Lý lịch tư pháp

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
3.1.	Kết quả xét xử các vụ án hình sự ở tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015	57
3.2.	Số người được xóa án tích trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015	58

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xóa án tích là một chế định quan trọng, thể hiện nguyên tắc nhân đạo, dân chủ XHCN và tôn trọng quyền con người được quy định trong BLHS Việt Nam.

Mục đích của xóa án tích là khuyến khích người bị kết án chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước sau khi chấp hành xong bản án để giúp họ tái hòa nhập với cộng đồng, ổn định cuộc sống trở thành công dân tốt, và đặc biệt là không thực hiện hành vi phạm tội mới. Đây cũng là mục đích của hình phạt là giúp họ thấy được lỗi lầm, biết ăn năn hối cải về việc làm sai trái của mình trong quá khứ mà cải tạo theo hướng tốt hơn.

Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự ở nước ta nói chung và trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng cho thấy: Một số quy định của BLHS hiện hành, trong đó có nội dung quy định về xóa án tích cần phải được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu. Mặt khác, một số nội dung liên quan đến xóa án tích được áp dụng không thống nhất, thậm chí không được áp dụng trên thực tế, chưa mang tính hệ thống và toàn diện, còn nhiều quan điểm khác nhau về việc xác định thời điểm xóa án tích... Xóa án tích có liên quan đến rất nhiều nội dung khác của BLHS, Bộ luật TTHS và các luật khác như: Luật thi hành án hình sự, luật thi hành án dân sự, luật lý lịch tư pháp... nhưng chưa được quan tâm và hướng dẫn cụ thể để áp dụng một cách thống nhất.

Xóa án tích nếu không được nhận thức đúng đắn, quy định thành pháp luật và áp dụng một cách đầy đủ, thống nhất sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các quyền về nhân thân người phạm tội, quyền con người mà Hiến pháp năm 2013 đã quy định.

Việc nghiên cứu chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam, trên cơ sở đối chiếu với thực tế áp dụng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, từ đó tìm ra những điểm hạn chế, bất cập để khắc phục nhằm tăng cường hiệu quả và giá trị xã hội của xóa án tích. Xuất phát từ những lý do trên đây cho thấy xóa án tích là vấn đề có tính cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn.

Tác giả chọn đề tài: "*Xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*" làm luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam trước khi có BLHS năm 1985 ra đời, thì vấn đề xóa án tích chưa được đề cập. Sau khi BLHS 1985 được ban hành, tiếp theo là BLHS 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) ra đời và có hiệu lực thì mới xuất hiện một số đề tài, bài viết, bình luận về vấn đề xóa án tích. Trong thời gian qua có một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như: Khóa luận tốt nghiệp cử nhân năm 2001 của Nguyễn Thị Minh Phương "*Chế định xóa án tích trong BLHS năm 1999*"; khóa luận tốt nghiệp cử nhân 2003 của Nguyễn Thị Lan "*Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*"; luận văn thạc sỹ luật học năm 2006 của Nguyễn Xuân Nghiệp, Đại học quốc gia Hà Nội: "*Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*"; một số công trình nghiên cứu về chế định xóa án tích trong các giáo trình luật hình sự, giáo trình bộ luật TTHS và các cuốn bình luận khoa học BLHS, TTHS do các tác giả khác nhau thực hiện. Bên cạnh đó, còn có nhiều nội dung mới rất phong phú về xóa án tích được thể hiện trong BLHS của Liên bang Nga, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa nhân dân Trung hoa...

Các công trình nghiên cứu khoa học trên đã giải quyết được một số vấn đề mà lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đặt ra. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của các công trình này cũng cho thấy, chế định xóa án tích mặc dù là một chế định quan trọng trong pháp luật hình sự nhưng cũng là chế

định còn nhiều nội dung chưa đạt đến sự đồng thuận và gây tranh luận sôi nổi trong giới khoa học luật hình sự từ trước đến nay. Nhận thấy được việc đó và để pháp luật được áp dụng thống nhất nên khi sửa đổi bổ sung BLHS năm 2015, các nhà làm luật đã sửa đổi cơ bản các quyết định về xóa án tích theo hướng tạo điều kiện cho người phạm tội (người bị kết án) sớm hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, do khách quan nên BLHS 2015 chưa được áp dụng rộng rãi nên chưa nhận thấy được hiệu quả từ những quyết định mới. Do vậy, cần tiếp tục nghiên cứu và có được giải pháp để việc áp dụng pháp luật thống nhất, đảm bảo công bằng cho mọi công dân thành phố Đà Nẵng thì từ trước đến nay chưa có tác giả nào đi sâu nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận về án tích và xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam, thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS về xóa án tích trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua. Đề tài: “*Xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” có mục đích nghiên cứu cơ bản sau đây:

- Hệ thống hóa và góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề án tích và xóa án tích. Luận giải cơ sở khoa học của việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh vấn đề này;

- Phân tích khái niệm, các đặc điểm của xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam;

- Nghiên cứu quá trình phát triển về mặt lập pháp của pháp luật hình sự Việt Nam về các quy định của xóa án tích, thông qua đó có so sánh đối chiếu với các quy định về xóa án tích của một số nước tiên tiến trên thế giới nhằm làm sáng tỏ bản chất của nội dung xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS về xóa án

tích trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến 2015, rút ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó.

- Xây dựng các giải pháp hoàn thiện các quy định về xóa án tích và nâng cao nhận thức của việc áp dụng các quy định về xóa án tích được thống nhất.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Luận văn lấy các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới về xóa án tích, các vụ án, các trường hợp cụ thể, các báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề của Tòa án nhân dân hai cấp Tp Đà Nẵng, Viện KSND TP Đà Nẵng và một số cơ quan khác để nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu “*Xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” dưới góc độ luật hình sự và tố tụng hình sự. Luận văn tập trung nghiên cứu các quy phạm về án tích và xóa án tích từ các quy định trước khi BLHS lần thứ nhất được ban hành. Bên cạnh đó nghiên cứu những nội dung cơ bản về xóa án tích trong ba lần pháp điển hóa, có đối chiếu so sánh với một số nước tiên tiến trên thế giới để tìm ra những nét tương đồng và phù hợp với quá trình lập pháp của Việt Nam, từ đó có giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về xóa án tích.

Các số liệu được xem xét và cập nhật từ hoạt động thực tiễn của các cơ quan pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã áp dụng trong thời gian từ năm 2011 đến 2015. Trong đó chủ yếu tổ các báo cáo thống kê của Công an thành phố Đà Nẵng, Viện KSND thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng và một số cơ quan khác có liên quan đến vấn đề áp dụng xóa án tích để làm rõ những bất cập, hạn chế trong quá trình vận dụng các quy định về xóa án tích vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng về nhà nước, pháp luật, về tội phạm, hình phạt, về con người; những thành tựu của khoa học, triết học, lịch sử, các học thuyết chính trị pháp lý, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật thi hành án, logic học...

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn sử dụng trong một tổng thể các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp hệ thống, lịch sử, logic, phân tích, so sánh, tổng hợp. Ngoài ra trong quá trình nghiên cứu, còn tham khảo ý kiến các chuyên gia liên quan đến đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn sẽ góp phần nhận thức sâu hơn cơ sở lý luận về xóa án tích và hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận văn là nguồn tham khảo, phục vụ cho học tập nghiên cứu luật hình sự.

Kết quả nghiên cứu thực tiễn của Luận văn góp phần vào việc xác định đúng đắn nội dung cơ bản, cơ sở, điều kiện của việc áp dụng xóa án tích đối với người đã bị Tòa án kết án, đã thi hành án hoặc hết thời hạn thi hành án và đã trải qua một thời gian thử thách nhất định. Từ đó tạo điều kiện cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thuận lợi nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta nói chung và trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các chữ viết tắt, luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về án tích và xóa án tích.

Chương 2: Thực trạng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam năm 1999 về xóa án tích .

Chương 3: Thực tiễn xóa án tích và các giải pháp bảo đảm hiệu quả của xóa án tích trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁN TÍCH VÀ XÓA ÁN TÍCH

1.1 Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của xóa án tích

Để có thể nhận thức một cách thấu đáo về xóa án tích, điều quan trọng đầu tiên là phải nhận thức đúng về khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của án tích. Theo các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì chế định về án tích nói chung và xóa án tích nói riêng là một trong những chế định rất quan trọng mang tính nhân đạo, trong chính sách pháp luật hình sự. Án tích và xóa án tích có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định đặc điểm nhân thân người phạm tội, xem xét khi quyết định hình phạt, khi định tội hay áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong một giai đoạn lịch sử rất dài từ năm 1945 đến trước năm 1985 thì vấn đề án tích và xóa án tích chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống. Cụm từ “xóa án” chỉ xuất hiện lần đầu tiên trong BLHS năm 1985 tại các điều từ Điều 52 đến Điều 56. Tại các điều luật nêu trên, nhà làm luật quy định về các trường hợp xóa án như: Đương nhiên được xóa án và xóa án do Tòa án quyết định, xóa án trong trường hợp đặc biệt, xóa án đối với người chưa thành niên và quy định điều kiện, cách tính thời hạn xóa án. Cụm từ “xóa án” tiếp tục được phát triển và bổ sung hoàn chỉnh hơn trong BLHS năm 1999 - được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây được gọi là BLHS 1999) cụ thể là được thay bằng cụm từ “xóa án tích”, được quy định thành một chương riêng - chương IX, từ Điều 63 đến Điều 67 và Điều 77 Chương X.

Thực tiễn áp dụng BLHS 1999 đến nay vẫn còn nhiều bất cập. Do vậy, BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung và vấn đề xóa án tích được quy định tại chương X gồm 05 Điều luật (từ điều 69-73) và tại một số điều khác ở

phần chung Điều 89 quy định về xóa án tích đối với pháp nhân thương mại bị kết án thuộc chương XI và Điều 107 quy định về xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án thuộc chương XII. Như vậy, BLHS 2015 có 07 Điều luật quy định về xóa án tích (tăng 1 điều so với BLHS 1999) trong đó có 1 điều được giữ nguyên như quy định của BLHS 1999 (điều 72); 1 điều được bổ sung mới (điều 89) và 05 điều được sửa đổi bổ sung (từ điều 69, 70, 71, 73 và 107).

Quá trình lập pháp về xóa án tích từ trước đến nay kể cả một số quốc gia trên thế giới cho thấy, chưa có BLHS nào đưa ra khái niệm về án tích và trong khoa học luật hình sự chỉ có một số ít các nhà khoa học pháp lý đưa ra các quan điểm khác nhau về khái niệm “án tích”. Điều này đã tác động lớn đến nhận thức về bản chất của án tích và việc xóa án tích trong cả lý luận lẫn thực tiễn. Tuy nhiên, để hiểu rõ bản chất pháp lý và các đặc điểm cơ bản về án tích, luận văn đi sâu phân tích một số quan điểm của các học giả, nhà khoa học pháp lý hình sự Việt Nam sau đây:

Chẳng hạn có quan điểm cho rằng: “Án tích là hậu quả pháp lý của bản án kết tội mà Tòa án tuyên đối với người phạm tội, là một tình tiết có ý nghĩa pháp lý trong việc đánh giá tính chất nguy hiểm của tội phạm và của người phạm tội khi tội phạm được thực hiện trong thời gian người ấy mang án tích” [24, tr.276]. Theo quan điểm của chúng tôi, quan điểm trên có điểm chưa toàn diện và đầy đủ, bởi không phải mỗi bản án kết tội của Tòa án đều làm phát sinh án tích như trường hợp miễn hình phạt (điểm 1 Điều 64 BLHS)...

Cũng có quan điểm cho rằng: “Án tích là hậu quả pháp lý của việc người bị kết án bị áp dụng hình phạt theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án và là giai đoạn cuối cùng của việc thực hiện trách nhiệm hình sự, được thể hiện trong việc người bị kết án mặc dù đã chấp hành xong bản án (bao gồm hình phạt chính; hình phạt bổ sung và các quyết định khác của Tòa

án) nhưng vẫn chưa hết án tích hoặc chưa được xóa án tích theo các quy định của pháp luật hình sự". [22, tr. 829]

- Theo một quan điểm khác thì: “Án tích là vết tích đã từng bị kết án của người phạm tội, xuất hiện khi người đó đã chấp hành xong hình phạt và được xóa khi đáp ứng đủ các điều kiện Bộ luật hình sự quy định hoặc tồn tại một khi người đã bị kết án dù đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa đáp ứng được những điều kiện được quy định trong Bộ luật hình sự và người đó còn phải chịu tình tiết định khung tăng nặng hình phạt nếu phạm tội trong thời gian mang vết tích đã từng bị kết án hoặc phải chịu trách nhiệm hình sự về những hành vi vi phạm pháp luật mà theo quy định của Bộ luật Hình sự vết tích đã từng bị kết án là yếu tố điều kiện cấu thành tội phạm”. [27, tr.65]. Tác giả đồng tình với quan điểm này, bởi đã đưa ra khá đầy đủ và lý giải nguồn gốc, bản chất và đặc điểm của án tích mà một người phải chịu một hình phạt do chính hành vi phạm tội đem lại và gánh chịu hậu quả pháp lý trong một thời gian nhất định.

Thực tế cho thấy trong giới khoa học luật hình sự đã có nhiều quan điểm khác nhau về xóa án tích. Tuy nhiên, để hiểu rõ về xóa án tích cần lưu ý:

Thứ nhất, án tích là hậu quả pháp lý của việc người thực hiện hành vi phạm tội, là một trong những sự thể hiện của trách nhiệm hình sự.

Thứ hai, án tích chỉ xuất hiện khi người bị buộc tội bằng một bản án kết tội (gọi là người bị kết án) đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án và bị áp dụng hình phạt.

Thứ ba, hậu quả pháp lý của việc phạm tội chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người đó chấp hành xong bản án hoặc được Nhà nước đặc xá.

Qua nghiên cứu và phân tích một số quan điểm khác nhau về án tích, đồng thời trên cơ sở thực tiễn công tác áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích, có thể đưa ra định nghĩa về án tích như sau:

Án tích là hậu quả pháp lý của việc một người bị kết án theo bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án phải chịu hình phạt và tồn tại trong một thời hạn nhất định kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hậu quả pháp lý đó được xóa bỏ theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam và các quan điểm trong giới khoa học luật hình sự về án tích, có thể thấy án tích có những đặc điểm cơ bản như sau:

Thứ nhất, án tích là hậu quả pháp lý của việc phạm tội, được áp dụng đối với người bị kết án theo bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án; chỉ người phạm tội bị Tòa án tuyên bằng một bản án có hiệu lực pháp luật với mức hình phạt nhất định mới phải chịu án tích; Trường hợp có bản án nhưng bản án trên người đó không phạm tội, hoặc được miễn trách nhiệm hình sự thì không coi đó là án tích.

Thứ hai, án tích chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian, nhất định đó là:

Thời gian thử thách đối với người bị kết án đã chấp hành xong bản án;

Thời gian đó được xác định tùy theo hình phạt mà người đó phải chấp hành;

Thời gian đó được bắt đầu từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi được xóa bỏ theo quy định của pháp luật.

Được xóa bỏ ở đây là trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt mà bản án đã tuyên hoặc người bị kết án được xét giảm đặc xá và được tha tù trước thời hạn.

Thứ ba, án tích là hình thức của trách nhiệm hình sự, là hậu quả bất lợi về mặt pháp lý hình sự. Đòi hỏi người bị kết án theo bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án phải chấp hành trong việc thực hiện trách nhiệm hình sự vì nếu người bị kết án đã chấp hành xong bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhưng khi chưa hết án tích hoặc chưa được xóa án tích, theo quy

định của pháp luật hình sự thì vẫn còn trách nhiệm hình sự. Vì theo quy định của BLHS 2015 thì người mang án tích, khi phạm tội mới sẽ gánh chịu hậu quả như: là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khi người bị kết án bị coi là tái phạm hay tái phạm nguy hiểm (Điều 53); tình tiết định khung hình phạt; một trong những tình tiết định tội của một số cấu thành tội phạm trong phân riêng.

Tuy nhiên, Khoản 2 điều 52 BLHS 2015 còn quy định các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

Thứ tư, án tích là hậu quả pháp lý bất lợi được áp dụng đối với người bị kết án và bị áp dụng hình phạt; là hậu quả bất lợi về mặt xã hội như: chưa xóa án tích, còn tiền án tiền sự sẽ ảnh hưởng đến sinh hoạt cá nhân, tham gia hoạt động xã hội, kinh tế của họ; hoặc bị hạn chế một số quyền công dân khi còn mang án tích như không được nhận con nuôi, không được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, không được xuất cảnh...

Ví dụ: Khoản 4 Điều 17 Luật Luật sư năm 2006 đã quy định về điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư thì người “*đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý*” thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Có thể nói, án tích có ý nghĩa quan trọng trong pháp luật hình sự Việt Nam không chỉ trên phương diện chính sách pháp luật mà còn cả trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Việc nghiên cứu và nắm rõ bản chất và đặc điểm pháp lý của án tích có ý nghĩa to lớn trong việc xây dựng chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước. Nếu người mang án tích có thái độ chấp hành đúng các quy định của pháp luật thì sẽ được nhanh chóng khôi phục quyền công dân và bản thân họ không còn mang án tích. Vì vậy khi xác định đúng bản chất của

án tích thì sẽ giúp cho nhà làm luật có cơ sở xây dựng hành lang pháp lý chắc chắn nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của pháp luật hình sự về xóa án tích.

Thực tế nghiên cứu cho thấy, xét về mặt bản chất thì việc quy định những hậu quả pháp lý mà người mang án tích phải chịu do thực hiện tội phạm hoặc hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian mang án tích không nhằm trả thù người đã bị kết án, mà quy định này là nhằm mục đích tạo điều kiện cho người đó tự hoàn lương và thấy được giá trị của việc chấp hành nghiêm chỉnh những điều kiện để được xóa án tích, để được coi là người lương thiện. Do đó, án tích không phải là biện pháp mang tính chất trừng trị, mà ngược lại, nó là biện pháp nhằm khuyến khích người bị kết án từ bỏ hẳn quá khứ tội lỗi của mình để được coi là chưa từng bị kết án.

Án tích còn là thể hiện thái độ nghiêm khắc của pháp luật do Nhà nước quy định buộc những người bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt mà lại phạm tội mới trong thời gian mang án tích phải chịu chế tài do pháp luật hình sự quy định. Trong trường hợp này, án tích sẽ được coi như một tình tiết có ý nghĩa pháp lý trong việc đánh giá tính chất nguy hiểm của tội phạm, cũng như hành vi nguy hiểm của người phạm tội. Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, việc một người mang án tích lại phạm tội mới thì án tích được coi là tình tiết tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, tình tiết tăng nặng định khung hình phạt hoặc trong một số trường hợp việc một người mang án tích lại thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thì án tích được coi là dấu hiệu cấu thành tội phạm, cần phải lưu ý rằng, trong BLHS, các nhà làm luật coi án tích chưa được xóa án tích là một trong những dấu hiệu của cấu thành tội phạm nhưng án tích không tự nó làm phát sinh những hậu quả pháp lý. Bởi vì nó chỉ là vết tích đã từng bị kết án của người phạm tội, còn người phạm tội chỉ phải gánh chịu những hậu quả pháp lý nhất định khi vi phạm nghiêm trọng những điều kiện thử thách như: phạm tội mới, thực hiện hành vi vi phạm pháp luật... trong thời gian chưa được xóa án tích.

Kết án một người là việc Tòa án, nhân danh Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định về hành vi phạm tội mà người đó đã thực hiện. Hậu quả của quyết định này là người phạm tội phải chịu hình phạt nhất định. Ngoài ra, người bị kết án còn bị đặt vào một hoàn cảnh “thử thách tiếp theo” tức là sau khi chấp hành xong bản án phải mang án tích một thời gian nhất định, tùy thuộc vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Đây là cơ sở để xác định tội phạm, tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm nếu họ tiếp tục phạm tội mới. Như vậy, mặc dù người bị kết án đã chấp hành xong bản án nhưng họ phải mang án tích về tội mà họ đã phạm trong khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào mức độ phạm tội của họ. Trước khi BLHS năm 1985 ra đời thì người bị kết án phải mang án tích suốt đời. Để “giải thoát” cho người bị kết án sau khi họ đã chấp hành xong bản án, BLHS 1985 lần đầu tiên quy định về xóa án (các Điều 52-56, 67) và xóa án tiếp tục được ghi nhận trong BLHS 1999 với cụm từ “Xóa án tích” (các Điều 63 - 67, 77). Đến khi sửa đổi bổ sung BLHS 2015 nhà làm luật đã sửa đổi cơ bản chế định xóa án tích theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống để làm ăn, trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, qua 3 lần sửa đổi, nhưng các nhà làm luật vẫn không đưa vào BLHS một khái niệm cụ thể về xóa án tích mà chỉ quy định về điều kiện đối tượng, thủ tục... xóa án tích theo hướng nhân đạo hơn, dẫn đến vẫn còn nhiều cách nghĩ khác nhau về cụm từ xóa án tích là gì?

Khái niệm xóa án tích cũng có trong khoa học Pháp luật Hình sự nhiều quan điểm khác nhau, có quan điểm cho rằng: *“Xóa án tích là xóa bỏ bản án hình sự đối với một người đã bị Tòa án kết án, là thể hiện tính nhân đạo trong luật hình sự nước ta, là để cho người bị kết án không mặc cảm với tội lỗi của mình, tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng”* [29, tr.309]. Phân tích quan điểm này có thể thấy đã thể hiện rõ ý nghĩa nhân

đạo sâu sắc của việc xóa án tích đối với người phạm tội. Tuy nhiên, coi xóa án tích chính là xóa bỏ bản án hình sự là chưa hợp lý. Bởi, xét về bản chất án tích là hậu quả pháp lý của việc từng bị kết án bằng một bản án có hiệu lực pháp luật chứ không phải án tích là bản án hình sự.

Theo một quan điểm khác thì: *“Xóa án tích là việc chấm dứt trách nhiệm hình sự của người bị kết án do người đó được xóa án tích theo quy định của pháp luật hình sự, trên cơ sở có sự xem xét và có quyết định của Tòa án công nhận là chưa bị kết án”* [22, tr.834]. Quan điểm này đã giới hạn phạm vi hiểu xóa án tích là trường hợp người bị kết án được xóa án tích khi có sự xem xét và quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, việc dùng thuật ngữ xóa án tích để định nghĩa xóa án tích vừa mang tính trừu tượng, vừa gây khó hiểu khi nghiên cứu vấn đề xóa án tích.

Cũng có quan điểm cho rằng: *“Xóa án tích là sự thừa nhận về mặt pháp lý người bị kết án không còn mang án tích và vì vậy, không còn chịu hậu quả nào do việc kết án mang lại”* [26, tr.222]. Quan điểm này đã chỉ ra được tính chất quan trọng của xóa án tích là sự thừa nhận về mặt pháp lý không còn án tích. Đối với xã hội, việc bị kết án của người phạm tội bị coi là người có “tiền án” không thể bị xóa bỏ trong tư tưởng của mọi người thì về mặt pháp lý khi đáp ứng đủ các điều kiện luật định thì Nhà nước sẽ công nhận người bị kết án chưa từng can án và sẽ công nhận quyền lợi hợp pháp của người bị kết án với tư cách là công dân. Tuy nhiên, khái niệm này chưa thể hiện khía cạnh tố tụng của việc xóa án vì trong trường hợp xóa án theo quyết định của Tòa án thì người phạm tội phải được Tòa án xem xét và ra quyết định.

Lại có quan điểm khẳng định: *“Trong luật hình sự Việt Nam, khái niệm xóa án tích được hiểu là xóa bỏ việc mang án tích thể hiện ở sự công nhận coi như chưa bị kết án đối với người trước đó đã bị Tòa án xét xử, hết tội”* [24, tr. 238]. Quan điểm này phần nào đã chỉ ra được vấn đề cơ bản của

xóa án tích là xóa bỏ đi án tích, đặc điểm nhân thân của người từng bị kết án và ghi nhận hậu quả pháp lý là người được xóa án tích sẽ được coi như chưa bị kết án.

Qua nghiên cứu bản chất của án tích và tiếp cận, tiếp thu những ưu điểm của các quan điểm về xóa án tích trong giới khoa học pháp lý hình sự Việt Nam. Đồng thời xuất phát từ thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về xóa án tích trong thời gian qua. Chúng ta có quan điểm tổng quát về xóa án tích như sau:

Xóa án tích được hiểu là việc xóa bỏ hậu quả pháp lý, xóa bỏ trách nhiệm hình sự đối với người bị kết án và bị áp dụng hình phạt theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, khi có đủ điều kiện của pháp luật quy định và công nhận người đó được coi như chưa bị kết án.

Như vậy, có thể thấy rằng: Xóa án tích là chế định nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam. Mục đích cuối cùng là nhằm xóa đi sự mặc cảm của người bị kết án, động viên họ trở về cuộc sống lương thiện. Ngoài ra, xóa án tích còn có tác dụng hỗ trợ cho công tác quản lý, giáo dục người đang chấp hành hình phạt tin tưởng vào sự công bằng của xã hội đối với họ.

Trong hệ thống pháp luật hình sự Việt nam, qua 3 lần sửa đổi BLHS 1985, 1999 và BLHS năm 2015, không có Bộ luật nào đưa ra một khái niệm cụ thể về xóa án tích là gì? Tuy nhiên, ở mỗi Bộ luật đều ghi nhận về xóa án tích, cụ thể : Điều 52 BLHS năm 1985 quy định: *“Người bị kết án được xóa án theo quy định ở các điều từ 53 đến 56. Người được xóa án coi như chưa can án và được cấp giấy chứng nhận”* [7]. Đến BLHS năm 1999 quy định tại Điều 63: *“Người bị kết án được xóa án tích theo quy định tại các điều từ Điều 64 đến Điều 67 của Bộ luật này. Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án và được Tòa án cấp giấy chứng nhận* [9]. Khoản 1 điều 69 BLHS năm 2015 quy định *“Người bị kết án được xóa án tích theo quy định tại các*

Điều từ Điều 70 đến Điều 73 của Bộ luật này. Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án".

Ngoài ra, Điều mới của BLHS năm 2015 là xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Do vậy, đối tượng được xóa án tích ngoài người bị kết án thì còn có pháp nhân thương mại bị kết án quy định tại điều 89 "*Pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quy định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới*".

Như vậy, theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam thì xóa án tích phải đáp ứng các dấu hiệu pháp lý và các điều kiện sau đây:

Thứ nhất, xóa án hay xóa án tích được áp dụng đối với người bị kết án mà người bị kết án ở đây chính là những người bị buộc tội bằng bản án có hiệu lực của Tòa án và bị áp dụng hình phạt. Trong trường hợp này chúng ta không đề cập đến người bị kết án được miễn hình phạt.

Thứ hai, Người được xóa án phải đáp ứng các điều kiện do Bộ luật hình sự quy định.

Theo quy định hiện hành của pháp luật hình sự Việt Nam về xóa án tích, có hai hình thức xóa án tích. Đó là đương nhiên được xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Cả hai hình thức xóa án tích nêu trên, mặc dù đối tượng áp dụng trong mỗi hình thức có khác nhau nhưng để được xóa án tích, người bị kết án đều phải đáp ứng được các điều kiện do BLHS quy định. Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án trường hợp đương nhiên xóa án tích theo quy định tại điều 70 BLHS năm 2015 thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 hoặc Khoản 3

Điều 70 BLHS. Đây là điểm tiến bộ, trước đây trường hợp này vẫn do tòa án xét xử sơ thẩm cấp giấy chứng nhận xóa án tích.

Trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án hoặc xóa án tích trong trường hợp đặc biệt thì Tòa án ra quyết định xóa án tích khi người bị kết án có đủ điều kiện quy định tại các Điều 71, 72 BLHS năm 2015. Đó là điều kiện về nội dung, về thời gian, cụ thể như sau:

Một là, điều kiện về mặt nội dung: Theo quy định của BLHS hiện hành điều kiện về nội dung để được xóa án tích, bao gồm:

Người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính của bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án BLHS 1999 quy định bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án (bồi thường thiệt hại, án phí hình sự, án phí dân sự..)

Trong khi đó theo quy định tại khoản 1 Điều 73 BLHS 2015 quy định *“Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật này căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên”*.

- Hết thời hiệu thi hành bản án.

- Người bị kết án theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án đã chấp hành xong bản án hoặc hết thời hiệu thi hành bản án mà không phạm tội mới trong thời hạn theo quy định của pháp luật. BLHS năm 2015 đã rút ngắn là một năm, hai năm, ba năm hoặc năm năm tùy thuộc vào hình phạt mà Tòa án đã tuyên đối với người phạm tội. BLHS năm 2015 đã rút ngắn thời hạn xóa án tích quy định tại thời điểm để tính thời hạn xóa án tích cũng sớm hơn so với BLHS năm 1999.

Hai là, điều kiện về mặt thời gian:

Nếu xét về mặt thời gian thì việc xóa án tích được thực hiện khi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt mà không phạm tội mới trong thời hạn luật định, tương ứng với từng hình thức xóa án tích, cụ thể:

Đối với trường hợp đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại

BLHS năm 2015 đã bỏ quy định Tòa án cấp giấy chứng nhận đương nhiên xóa án tích cho người bị kết án mà giao trách nhiệm cho cơ quan quản lý CSDL lý lịch tư pháp cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích (nếu có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2, khoản 3 điều 70 của BLHS 2015).

Đối với trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi Tòa án ra quyết định xóa án tích. Tòa án chỉ xem xét quyết định việc xóa án tích sau một thời hạn xác định theo quy định của BLHS.

Về thời hạn để xóa án tích (kể cả đương nhiên được xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án) được tính căn cứ vào hình phạt chính được tuyên trong bản án. Nếu chưa được xóa án tích mà phạm tội mới, thì thời hạn xóa án tích cũ được tính từ ngày chấp hành xong bản án mới.

Ngoài những điều kiện áp dụng chung cho các hình thức xóa án tích trên thì BLHS còn quy định điều kiện đặc biệt để được xóa án tích trong thời hạn sớm hơn cho người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú đề nghị và bản thân họ đã chấp hành ít nhất một phần ba thời hạn quy định.

Đối với trường hợp người chưa thành niên phạm tội, do nhận thức của người chưa thành niên khi chưa hoàn thiện về thể chất và tinh thần nên Nhà nước ta có chính sách hình sự đặc biệt áp dụng đối với họ. Theo quy định của BLHS 1999, thời hạn xóa án tích đối với người chưa thành niên bị kết án được quy định bằng một phần hai thời hạn quy định đối với người thành niên.

Đến khi sửa đổi bổ sung BLHS 2015 về xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội thì đã sửa theo hướng có lợi hơn cho họ, và một số trường hợp đã quy định người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích (Điều 107 BLHS 2015)

Xuất phát từ tính chất nhân đạo, tôn trọng quyền con người của pháp luật hình sự nói chung và của việc xóa án tích nói riêng, việc xóa án tích đối với người bị kết án theo bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án có ý nghĩa chính trị - xã hội, pháp lý rất quan trọng. Điều này được thể hiện như sau:

Thứ nhất, việc xóa án tích cho người phạm tội mang tính phòng ngừa tội phạm cao thể hiện qua việc quy định: "*Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án*". Vì vậy, sau khi được cấp giấy chứng nhận xóa án tích hoặc sau khi Tòa án ra quyết định xóa án tích thì trong những giấy tờ về căn cước, lý lịch tư pháp cấp cho họ phải ghi rõ "chưa can án". Người đã được xóa án tích mà lại phạm tội mới thì không được căn cứ vào những tiền án đã được xóa án tích mà coi như là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử án hình sự thì nhân thân người phạm tội lại được xem xét đánh giá để xác định mức hình phạt thường là bất lợi giữa một người không có án tích với một người đã có án tích và mặt nhiên là người đó đã được xóa án tích khi có cùng hành vi tính chất mức độ như nhau.

Ví dụ: Cả anh A (*có án tích và đã được xóa án tích*) và anh B cùng có hành vi lén lút trộm cắp tài sản, trị giá 5 triệu đồng, khi xét xử nếu anh B bị xử 06 tháng tù thì anh A sẽ có mức án cao hơn anh B. Đây cũng là nhận thức chung của những người áp dụng pháp luật và thiết nghĩ đây là nhận thức không công bằng với người có hành vi phạm tội.

Thứ hai, quy định về xóa án tích đã góp phần động viên người bị kết án tích cực cải tạo, học tập, lao động và ngăn ngừa họ phạm tội mới để nhanh chóng trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội. Còn đối với gia đình, họ hàng thân thích của người được xóa án tích, họ cũng sẽ không bị mang tiếng xấu là có người trong gia đình phạm tội.

Thứ ba, việc Tòa án áp dụng đúng đắn và chính xác trong thực tiễn các quy phạm về xóa án tích sẽ đưa đến các lợi ích xã hội, đó là việc tăng cường

pháp chế và củng cố trật tự pháp luật, bảo vệ vững chắc các quyền và tự do của con người; nâng cao uy tín của Tòa án, làm tăng thêm lòng tin của các tầng lớp nhân dân vào tính công minh và sức mạnh của pháp luật.

Thứ tư, với việc nghiên cứu và nắm rõ bản chất của xóa án tích, một mặt góp phần đảm bảo cho việc thực hiện nhất quán nguyên tắc công bằng, mặt khác phản ánh nguyên tắc nhân đạo, tôn trọng quyền con người của pháp luật hình sự. Vì vậy pháp luật cần thiết phải quy định các chế tài để nghiêm trị và răn đe người phạm tội, nhưng không thể thiếu tính nhân đạo; xã hội muốn có công bằng và nhân đạo phải là xã hội có một hệ thống pháp luật vì con người; xã hội không thể ổn định và phát triển được nếu như pháp luật không vì con người, nhưng nếu pháp luật không mở lối hoàn lương của người bị kết án thì vô hình chung, pháp luật đã bị phản tác dụng.

1.2. Khái quát lập pháp hình sự Việt Nam về xóa án tích từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015

2.1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1985

Trước khi ban hành BLHS năm 1985 thì xóa án tích có trong một số văn bản pháp luật như Sắc lệnh 21/SL ngày 14 tháng 2 năm 1946 quy định về xóa án tích đối với người được hưởng án treo có đề cập rải rác về vấn đề xóa án tích. Tại Điều 10 Sắc lệnh 21/SL có quy định: “*Nếu trong 05 năm bắt đầu từ ngày tuyên án, tội nhân không bị Tòa án quân sự làm tội một lần nữa về một việc mới thì bản án đã tuyên sẽ hủy đi, coi như không có*”. Tinh thần của điều luật này chính là người phạm tội đương nhiên được coi như chưa can án nếu họ không bị kết án bằng một bản án mới trong thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án cũ. Đến Thông tư 2308/NCLP ngày 1/12/1961 của Tòa án nhân dân Tối cao về xóa án đối với người được hưởng án treo với nội dung: “*Nếu hết thời gian thử thách mà người bị phạt án treo không phạm tội gì mới thì sẽ coi như không có tiền án. Những hình phạt phụ mà Tòa án có thể đã tuyên như*

cắm cù trú hoặc cù trú bắt buộc cũng đương nhiên được xóa bỏ. Nếu phạm tội mới không cùng tính chất và nhẹ hơn tội cũ thì khi hết thời gian thử thách, bản án treo cũ cũng vĩnh viễn không phải chấp hành nữa”. Công văn số 1082/NCLP của Tòa án nhân dân tối cao ngày 5/7/1963 cũng đã khẳng định: “Tòa án không thể coi một người đã bị án treo nhưng đã được xóa bỏ, nay lại phạm tội mới, như là tái phạm”.

Như vậy, từ rất sớm, xóa án tích đã được ghi nhận là một trong những nguyên tắc xử lý hình sự quan trọng trong Luật hình sự Việt Nam.

2.1.2. Giai đoạn từ năm 1985 đến năm 1999

Đến lần pháp điển hóa pháp luật hình sự lần đầu tiên của nước ta, vấn đề án tích và xóa án tích đã được ghi nhận chính thức trong văn bản pháp lý có hệ thống và có giá trị pháp lý cao – BLHS năm 1985 từ Điều 52 đến Điều 56 tại Chương “*Việc quyết định hình phạt, miễn, giảm hình phạt*” với tên gọi là “Xóa án”. BLHS năm 1985 đã quy định cụ thể các trường hợp xóa án, điều kiện xóa án, thời hạn xóa án cũng như cách tính thời hạn xóa án. Có bốn trường hợp xóa án: gồm đương nhiên xóa án (Điều 53), xóa án theo quyết định của Tòa án (Điều 54), xóa án trong trường hợp đặc biệt (Điều 55), xóa án trong trường hợp người chưa thành niên phạm tội (Điều 67)

Theo quy định tại Điều 52 BLHS năm 1985 thì cơ sở pháp lý của việc xóa án là những quy định của Bộ luật hình sự, mà cụ thể hơn là từ Điều 53 đến Điều 56 BLHS năm 1985. Mặt khác, Điều 52 BLHS năm 1985 cũng chỉ rõ, hậu quả của việc xóa án, đó là người được xóa án coi như chưa can án. Vì vậy, sau khi được cấp Giấy chứng nhận xóa án hoặc sau khi được Tòa án ra quyết định xóa án thì trong giấy tờ về căn cước, lý lịch cấp cho họ phải ghi “*chưa can án*”. Người đã được xóa án mà sau lại phạm tội mới thì không được căn cứ vào những tiền án đã được xóa án mà coi như là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên, bằng quy định “*Người được xóa án coi như*

chưa can án và được cấp Giấy chứng nhận” đã tạo ra những cách hiểu khác nhau về vấn đề này.

Thứ nhất, khi một người được xóa án thì đương nhiên họ sẽ được cấp Giấy chứng nhận, tức là việc cấp Giấy chứng nhận là nghĩa vụ đương nhiên của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Điều này không phù hợp với những quy định của Bộ luật hình sự về xóa án. Vì xóa án được thực hiện theo hai hình thức chủ yếu là đương nhiên xóa án và xóa án theo quyết định của Tòa án. Nếu là xóa án theo quyết định của Tòa án thì việc cấp Giấy chứng nhận là quyền của Tòa án khi người xin xóa án đáp ứng được đầy đủ những điều kiện, thủ tục của xóa án. Hơn nữa, trong trường hợp này, Tòa án ra quyết định xóa án chứ không phải là Giấy chứng nhận như trong trường hợp đương nhiên xóa án. Do vậy, quy định trên là không phù hợp.

Thứ hai, là từ “và” sẽ đưa ra cách hiểu để được xóa án phải có một điều kiện bắt buộc phải có là người được xóa án chỉ được coi là chưa can án khi được cấp Giấy chứng nhận, tức là Giấy chứng nhận xóa án là một trong những giấy tờ buộc phải có. Điều này cũng không phù hợp với quy định của luật hình sự về xóa án, vì trong trường hợp đương nhiên xóa án, người được xóa án có thể có hoặc có thể không cần xin Giấy chứng nhận.

Theo quy định hiện nay thì xóa án tích bao gồm:

- + Đương nhiên được xóa án tích.
- + Xóa án tích theo quyết định của Tòa án.
- + Xóa án trong trường hợp đặc biệt và xóa án tích đối người chưa thành niên phạm tội.

1.3. Xóa án tích theo pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

1.3.1. Xóa án tích theo Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Theo BLHS Liên bang Nga năm 1996 được sửa đổi, bổ sung ngày

5/4/2013 (sau đây gọi tắt là BLHS Liên bang Nga 1996), xóa án tích được quy định tại Điều 86 - Án tích. Cũng giống như các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, khi quy định về xóa án tích, các nhà làm luật Liên bang Nga cũng chưa đưa ra được một khái niệm cụ thể về án tích và khái niệm xóa án tích trong BLHS. Khoản 1 Điều 86 quy định: "*Người bị kết án về một tội phạm bị coi là người có án tích kể từ ngày bản án kết tội có hiệu lực pháp luật cho đến khi được xóa án. Theo quy định của Bộ luật này án tích được tính trong trường hợp tái phạm và khi quyết định hình phạt và kéo theo hậu quả pháp lý khác trong các trường hợp và theo thủ tục do luật liên bang quy định*". [1]

Nếu như theo quy định tại khoản 1 Điều 64 BLHS 1999, người được miễn hình phạt là người đương nhiên được xóa án tích, thì tại khoản 2 Điều 86 BLHS , Liên bang Nga 1996 quy định: "*Người được miễn hình phạt là người không có án tích*". Về cơ bản, trong trường hợp này hai BLHS có những nét tương đồng nhất định. Theo tinh thần chung của điều luật, thì người được miễn hình phạt là người không có án tích và do vậy đương nhiên được xóa án tích. Tuy nhiên, theo chúng tôi, mặc dù hậu quả pháp lý của các quy định này là giống nhau, nhưng cách thể hiện của BLHS Liên bang Nga là hợp lý, chính xác hơn.

Khác với BLHS 1999 của Việt Nam, BLHS của Liên bang Nga 1996 quy định chỉ một hình thức xóa án tích chung nhất là đương nhiên xóa án tích.

Khoản 3 Điều 86 quy định: *Án tích được xóa:*

- a. Đối với người bị án treo là sau khi hết thời hạn thử thách;
- b. Đối với người bị kết án với những hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù có thời hạn là sau một năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt;
- c. Đối với người bị kết án phạt tù về tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng trung bình là sau ba năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt;

d. Đối với người bị kết án tù về tội rất nghiêm trọng là sau sáu năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt;

đ. Đối với người bị kết án tù về tội đặc biệt nghiêm trọng là sau tám năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt. [1]

Theo quy định trên, về cơ bản là tương đồng với quy định tại khoản 2 Điều 64 BLHS 1999 - Đương nhiên xóa án tích. Nếu đem so sánh giữa hai quy định trong hai Bộ luật thì chúng ta thấy được rằng, nếu BLHS 1999 của Việt Nam quy định người bị kết án sẽ đương nhiên được xóa án tích khi không phạm tội quy định tại chương XI - Các tội xâm phạm an ninh quốc gia và chương XXIV - Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh của Bộ luật này, nếu từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không phạm tội mới trong thời gian là 1, 3, 5 và 7 năm, thì BLHS Liên bang Nga 1996 quy định các khoảng thời gian tương ứng là 1, 3, 6 và 8 năm và quy định riêng cho người bị kết án treo sau khi chấp hành xong thời hạn thử thách. Quy định của BLHS Liên bang Nga đã tách loại án treo ra khỏi các hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù có thời hạn và thời hạn để tính xóa án kể từ ngày chấp hành xong thời gian thử thách. Đây là một nét mới khác biệt so với BLHS 1999 của Việt Nam. Như vậy, về thời hạn để được xem xét xóa án tích sau khi chấp hành xong bản án kết tội của Tòa án theo quy định tại BLHS 1996 của Liên bang Nga có sự kéo dài thời hạn xóa án tích hơn so với BLHS của Việt Nam đối với loại tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

Đồng thời, khoản 4 Điều 86 BLHS Liên Bang Nga 1996 quy định: "Nếu người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt còn lại hoặc phần hình phạt còn lại được thay bằng hình phạt nhẹ hơn, thì căn cứ vào hình phạt thực tế đã chấp hành, thời hạn xóa án được tính từ thời điểm được miễn chấp hành hình phạt chính và hình phạt bổ sung". [1]

Quy định này phù hợp với thực tế, vì trong quá trình chấp hành hình phạt vì những lý do khách quan (ốm đau, bệnh tật...) mà người bị kết án không thể chấp hành tiếp hình phạt mà Tòa án đã tuyên thì theo quy định của pháp luật họ được miễn chấp hành hình phạt còn lại hoặc được thay thế bằng hình phạt nhẹ hơn, do vậy cũng cần quy định xóa án tích đối với trường hợp này. Bộ luật hình sự Việt Nam chưa có quy định đối với trường hợp này.

Về quy định xóa án tích trong trường hợp đặc biệt thì cả hai bộ luật có quy định tương tự nhau. Tuy nhiên, cũng có sự khác biệt về thời hạn chấp hành án, đó là nếu như BLHS Việt Nam quy định khoảng thời hạn chấp hành án để được xem xét xóa án tích trước thời hạn là một phần ba thì BLHS 1996 của Liên Bang Nga bỏ quy định thời hạn phải chấp hành án để xem xét xóa án: *"Nếu sau khi chấp hành xong hình phạt, người bị kết án có nhiều tiến bộ, tư cách đạo đức tốt thì theo yêu cầu của người đó, Tòa án có thể xóa án trước thời hạn quy định". [1]*

Trường hợp xóa án tích đối với người chưa thành niên. Qua so sánh đối chiếu giữa BLHS Việt Nam và BLHS Liên Bang Nga cho thấy cũng có nét tương đồng. Tuy nhiên, về cách tính và thời hạn xem xét để xóa án tích cũng có sự khác nhau. Theo Điều 77 BLHS 1999 của Việt Nam thì thời hạn xóa án tích đối với người chưa thành niên là một phần hai thời hạn đối với người đã thành niên quy định tại Điều 64 BLHS, theo mức 06 tháng, 01 năm 06 tháng, 02 năm 06 tháng và 03 năm 06 tháng. Còn theo điều 95 BLHS Liên Bang Nga thì thời hạn xóa án tích đối với người chưa thành niên theo thứ tự 06 tháng, 01 năm và 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt. Với cách quy định này thì thời hạn ngắn hơn so với BLHS Việt Nam.

Tóm lại, quy định về xóa án tích trong BLHS Việt Nam năm 1999 với BLHS Liên Bang Nga năm 1996, cơ bản là tương đồng nhau, đều thể hiện được bản chất cơ bản của xóa án tích. Nhưng cũng có những điểm khác nhau về phạm vi án tích, thời hạn án tích cũng như hình thức xóa án tích.

1.3.2. Xóa án tích theo Bộ luật hình sự Cộng hòa Pháp

Qua nghiên cứu BLHS Cộng hòa Pháp ban hành năm 1992, được sửa đổi, bổ sung ngày 04/11/2011 (sau đây gọi tắt là BLHS Cộng hòa Pháp 1992). Thì thấy: về vấn đề xóa án được quy định ở Tiểu mục 4, Mục 3 chương IV từ các Điều 133- 12 đến 133-17. Điều 133-12 quy định: *“Bất kỳ ai phải chịu hình phạt về trọng tội, khinh tội hoặc vi cảnh có thể được đương nhiên xóa án theo quy định của tiểu mục này hoặc theo quyết định của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự”*. [31]

Cũng giống như BLHS Việt Nam, BLHS Cộng hòa Pháp không đưa ra khái niệm về xóa án mà quy định các trường hợp đương nhiên xóa án, điều kiện đương nhiên xóa án và thời hạn được xóa án nếu như đã chấp hành xong hình phạt hoặc hết thời hiệu trong khoảng thời gian là 3 năm, 5 năm và 10 năm. Đồng thời xác định xóa án xóa bỏ bất kỳ tình trạng không có năng lực pháp lý hoặc tước quyền do bản án quy định (Điều 133-16). Theo Bộ luật này thì cũng tương tự như BLHS của nước ta là đã xác lập việc miễn hình phạt trong trường hợp đặc xá coi như là đã chấp hành (Điều 133-17). [22]

Như vậy, BLHS Cộng hòa Pháp chỉ quy định duy nhất một trường hợp đương nhiên xóa án cho pháp nhân và thể nhân khi bị Tòa án tuyên bằng 01 bản án có hiệu lực pháp luật và sau khi chấp hành xong hình phạt hoặc hết thời hiệu thì cá nhân hoặc thể nhân phải mất một thời gian nhất định do luật định nếu không phạm tội mới thì được coi như đã xóa án.

1.3.3. Xóa án tích theo Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Theo Điều 65 BLHS thì người bị kết án ít nhất là phạt tù có thời hạn mà phạm tội mới và có thể bị phạt tù có thời hạn trở lên trong thời hạn năm năm

kể từ khi chấp hành xong hình phạt hoặc đặc xá thì được coi là tái phạm và phải chịu hình phạt nặng hơn về tội mới. Trong trường hợp này, tái phạm về tội phạm do vô ý được loại trừ.

Điều 66 BLHS quy định: “Người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia mà lại phạm tội mới xâm phạm an ninh quốc gia vào bất kỳ thời gian nào sau khi chấp hành xong hình phạt hoặc được đặc xá đều bị coi là tái phạm” [2]. Như vậy, có thể nói án tích sẽ tồn tại suốt đời đối với người phạm tội mới xâm phạm an ninh quốc gia.

Như vậy, BLHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không đặt ra vấn đề xóa án tích riêng và vì vậy không có thủ tục xóa án tích, vấn đề này chỉ được xem xét khi người bị kết án phạm tội mới.

Khi giải quyết vấn đề này, BLHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có sự phân hóa rất lớn: Tội vô ý, tội bị xử lý bằng các hình phạt không phải là tù không phát sinh án tích; chỉ tội bị xử phạt tù mới được coi là có án tích trong thời hạn năm năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù hoặc được đặc xá; đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, án tích sẽ tồn tại vĩnh viễn nếu người bị kết án lại phạm tội mới xâm phạm an ninh quốc gia.

Kết luận Chương 1

Trên cơ sở quy định của pháp luật hình sự, các tài liệu nghiên cứu, quan điểm khác nhau của các nhà khoa học pháp lý, luận văn đã rút ra dấu hiệu, bản chất của án tích và xóa án tích, ý nghĩa của án tích và xóa án tích đối với việc nghiên cứu và áp dụng vấn đề vào thực tiễn. Bên cạnh đó còn nghiên cứu các quy định pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới về xóa án tích. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và kiến nghị hoàn thiện các quy định về xóa án tích cho Việt Nam trong thời gian tới. Những vấn đề chung nhất trong chương 1 sẽ làm nền tảng, cơ sở để tìm hiểu và nghiên cứu các quy định về án tích và xóa án tích ở chương 2 của luận văn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ XÓA ÁN TÍCH

2.1. Thực trạng quy định của luật hình sự về xóa án tích.

Trước khi sửa đổi, bổ sung vào năm 2015 thì BLHS đã được ban hành trước đó 02 lần vào năm 1985 và năm 1999. Theo đó quy định về xóa án tích tại mỗi thời điểm, tại mỗi Bộ luật có khác nhau và qua mỗi lần sửa đổi, bổ sung đều theo hướng có lợi cho người bị kết án, tạo điều kiện để học sớm hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống và sống có ích cho xã hội.

BLHS năm 2015 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

Theo đó, vấn đề xóa án tích quy định tập trung tại chương X gồm 5 điều luật (từ điều 69 đến điều 73); Điều 89 quy định về xóa án tích đối với pháp nhân thương mại bị kết án và điều 107 quy định về xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án.

Tuy nhiên, do BLHS năm 2015 mắc phải một số lỗi kỹ thuật và không thể áp dụng từ ngày 01/7/2016. Do vậy, Quốc Hội khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016, theo đó, đã quyết định lùi hiệu lực thi hành của BLHS 2015 kể từ ngày 01/07/2016 cho đến ngày luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS 2015 có hiệu lực thi hành.

Đồng thời giao cho TANDTC hướng dẫn thi hành điểm a và điểm b khoản 4 của Nghị quyết về các quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS 2015 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS 2015.

Thực hiện tinh thần Nghị quyết 144/2016/QH13, TANDTC đã ban hành công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/09/2016 “*V/v hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015*”.

Tại công văn trên, TANDTC đã thống nhất chỉ đạo:

1. Kể từ ngày 01/07/2016, các quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS 2015 và các quy định của BLTTHS 2015 để thi hành các quyết định có lợi cho người phạm tội của BLHS 2015 có hiệu lực thi hành.

2. Quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS 2015 bao gồm các quy định về xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn....xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội.

3. Quy định của BLTTHS 2015 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS 2015 là các quy định về thủ tục tố tụng và áp dụng đối với các trường hợp xóa án tích....

(Kèm theo công văn là danh mục một số quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS 2015) trong đó có quy định về xóa án tích.

Như vậy, trong BLHS năm 2015 đã lùi thời hạn có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên đối với các quy định có lợi cho người phạm tội thì được Tòa án các cấp xem xét áp dụng. Điều này, một lần nữa thể hiện tính nhân văn, nhân đạo và quyền con người được tôn trọng, đảm bảo thi hành trong chính sách hình sự của Đảng và nhà nước ta.

Trên tinh thần đó, trong luận văn này, ngoài việc phân tích, đánh giá, so sánh các quy định của pháp luật về xóa án tích trong BLHS năm 1985 và 1999 thì tác giả còn so sánh và phân tích thêm những điểm mới có lợi cho người phạm tội mà Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn tại công văn số: 276/TANDTC-PC ngày 13/09/2016 “V/v hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015”. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn các quy định về xóa án tích trong thực tiễn.

Vấn đề về xóa án tích thì tại Điều 63 BLHS 1999 quy định:

Người bị kết án được xóa án tích theo quy định tại các điều từ Điều 64 đến Điều 67 của Bộ luật này.

Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án và được Tòa án cấp giấy chứng nhận.

Như vậy, BLHS 2015 vẫn giữ nguyên tinh thần là *Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án*. Tuy nhiên, về thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xóa án tích thì có thay đổi, theo đó trường hợp đương nhiên xóa án tích theo quy định tại điều 70 BLHS năm 2015 giao cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 hoặc Khoản 3 Điều 70 BLHS. Đây là điểm tiến bộ, trước đây trường hợp này vẫn do Tòa án xét xử sơ thẩm cấp giấy chứng nhận xóa án tích khi có yêu cầu.

Điểm tiến bộ của BLHS 2015 nữa là đối với các trường hợp: *Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích*.

2.2. Các trường hợp về xóa án tích

2.2.1. Đương nhiên xóa án tích

Trong hệ thống các văn bản pháp luật hình sự chưa đưa ra khái niệm pháp lý thế nào là đương nhiên xóa án tích nhưng theo quan niệm phổ biến thì đương nhiên xóa án tích được hiểu là trường hợp được coi là chưa can án mà không cần có sự xem xét và quyết định của Tòa án [11, tr.44]. Chỉ cần người bị kết án đáp ứng được đầy đủ điều kiện luật định và có yêu cầu xin cấp Giấy chứng nhận xóa án tích thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử họ có trách nhiệm xác minh các điều kiện đó và cấp Giấy chứng nhận xóa án tích. Tuy nhiên, Tòa án không cấp Giấy chứng nhận xóa án tích cho tất cả những người được đương nhiên xóa án tích mà chỉ cấp cho những người được xóa án tích yêu cầu.

2.2.1.1. Đối tượng đương nhiên được xóa án tích

Theo quy định tại Điều 64 BLHS 1999, những người sau đây sẽ đương nhiên được xóa án tích:

“Những người sau đây đương nhiên được xoá án tích:

1. Người được miễn hình phạt.

2. Người bị kết án không phải về các tội quy định tại Chương XI và Chương XXIV của Bộ luật này, nếu từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án người đó không phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) Một năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) Ba năm trong trường hợp hình phạt là tù đến ba năm;

c) Năm năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;

d) Bảy năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên mười lăm năm”.

Tại Điều 70 BLHS 2015, quy định về đương nhiên được xoá án tích:

1. Đương nhiên được xoá án tích được áp dụng đối với người bị kết án không phải về các tội quy định tại Chương XIII và Chương XXVI của Bộ luật này khi họ đã chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Người bị kết án đương nhiên được xoá án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

c) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

d) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thời hạn đương nhiên được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

3. Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này.

BLHS năm 2015 mở rộng phạm vi các tội thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích. Theo quy định của điều luật, ngoại trừ các tội phạm quy định tại chương XIII và chương XXVI, người bị kết án về tội phạm gì đều có thể được đương nhiên xóa án tích. Tuy nhiên, BLHS 1999 quy định thời gian xóa án tích từ ngày chấp hành xong bản án (bao gồm cả hình phạt chính, hình phạt bổ sung, án phí, bồi thường thiệt hại); Trong khi đó BLHS 2015 quy định thời gian xóa án tích tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới. Đồng thời rút ngắn thời hạn đương nhiên được xóa án tích xuống còn 01, 02, 03, 05 năm thay vì quy định của BLHS 1999 là 01, 03, 05 và 07 năm.

Các quy định trên của Bộ luật hình sự thể hiện sự tiến bộ rõ rệt về chính sách hình sự nhân đạo, tôn trọng quyền con người, lấy mục đích giáo dục con người trong xử lý hình sự của Đảng và Nhà nước ta.

Theo quy định tại Điều 64 BLHS năm 1999 thì có hai đối tượng đương nhiên được xóa án tích là:

Thứ nhất, người được miễn hình phạt. Theo Điều 54 BLHS năm 1999, “*Người phạm tội có thể được miễn hình phạt trong trường hợp phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này, đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự*”. Như vậy, người được miễn hình phạt được hiểu là người bị kết án do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng đặc biệt nên mặc dù bị đưa ra xét xử nhưng được Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt. Người được miễn hình phạt đương nhiên được xóa án tích mà không cần có sự xem xét, quyết định của Tòa án cũng như không cần thêm bất cứ điều kiện nào khác. Điều này xuất phát từ việc án tích chỉ phát sinh khi người bị kết án bị áp dụng hình phạt, nên người được miễn hình phạt sẽ không phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của hình phạt này và được coi là người không có án tích.

Thứ hai, người bị kết án không phải về các tội quy định tại Chương XI “*Các tội xâm phạm an ninh quốc gia*” và Chương XXIV “*Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh*” của BLHS năm 1999.

Điều 70 BLHS năm 2015 vẫn giữ nguyên quy định những người không phạm phải “*Các tội xâm phạm an ninh quốc gia*” và “*Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh*” mới thuộc đối tượng đương nhiên được xóa án tích. Đối với trường hợp được miễn hình phạt thì không bị coi là có án tích. Đồng thời bổ sung người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng cũng không bị coi là có án tích. Do vậy, các trường hợp này không còn là đối tượng để đương nhiên xóa án tích.

2.2.1.2. Điều kiện đương nhiên xóa án tích

- Đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích do được miễn hình phạt:

Pháp luật hình sự hiện hành không đưa ra các điều kiện kèm theo để được

xóa án tích. Theo quy định của BLHS năm 1985, được hướng dẫn tại thông tư liên ngành số 02/TTLN năm 1986 thì người được miễn hình phạt được xóa án tích ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp người được miễn hình phạt bị tuyên áp dụng một số quyết định khác của bản án như án phí, phạt tiền, bồi thường thiệt hại, sửa chữa tài sản... thì người được miễn hình phạt chỉ được xóa án tích sau khi đã chấp hành xong những quyết định khác của bản án đó.

Ví dụ: A bị kết án về tội “Làm nhục người khác” theo khoản 1 Điều 121 BLHS năm 1999. A được miễn hình phạt nhưng bị áp dụng biện pháp tư pháp: bồi thường thiệt hại trị giá ba triệu đồng. Ngày 01/10/2015, bản án tuyên phạt A có hiệu lực pháp luật nhưng đến ngày 15/10/2015, A mới thực hiện xong việc bồi thường thiệt hại. Trong trường hợp này, A sẽ đương nhiên được xóa án tích từ ngày 15/10/2015 chứ không phải ngày 01/10/2015.

- Đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích theo quy định tại khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999

Khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999 quy định việc đương nhiên được xóa án tích cho những đối tượng bị áp dụng hình phạt. Trong trường hợp này, muốn được đương nhiên xóa án tích, người bị kết án phải hội tụ đủ hai điều kiện:

Một là, Họ không phạm các tội quy định tại Chương XI “Các tội xâm phạm an ninh quốc gia” và Chương XXIV “Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh” của BLHS năm 1999.

Hai là, Người xin xóa án tích không phạm tội mới trong thời hạn nhất định kể từ ngày chấp hành xong bản án hoặc hết thời hiệu thi hành bản án. Trong trường hợp này, cần phân biệt khái niệm không phạm tội mới với khái niệm bị kết án. Nếu một người chỉ cần bị Tòa án tuyên buộc tội bằng một bản án thì đã trở thành người bị kết án thì người phạm tội mới phải bị kết tội bằng một bản án có hiệu lực pháp luật khác của Tòa án. Vậy nên, nếu trong thời

gian luật định, người đó bị truy tố về một tội mới mà không bị kết tội thì việc truy tố đó không ảnh hưởng tới quy định đương nhiên xóa án tích.

Tùy thuộc vào loại hình phạt và mức độ hình phạt chính Tòa án đã tuyên mà thời hạn xóa án tích được quy định khác nhau.

Đối với trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo thì thời hạn xóa án tích được quy định chung là một năm kể từ ngày chấp hành xong bản án hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành bản án.

Ví dụ: Ngày 20/10/2015, Tòa án xử phạt anh A 06 tháng tù, cho hưởng án treo về “*Trộm cắp tài sản*”, thời gian thử thách của án treo là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong trường hợp này, đến ngày 20/10/2016, anh A đã chấp hành xong bản án treo và theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999 và điểm a khoản 2 Điều 70 BLHS 2015 anh A sẽ đương nhiên được xóa án tích ngày 20/10/2017. Quy định về thời hạn xóa án tích đối với trường hợp án treo như vậy là hợp lý cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Đối với hình phạt tù, thời hạn xóa án tích được quy định trong BLHS 1999 là:

- 03 năm trong trường hợp hình phạt là tù đến ba năm;
- 05 năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;
- 07 năm trong trường hợp hình phạt là tù từ trên mười lăm năm.

Thời hạn này đã giảm trong BLHS 2015, cụ thể:

- 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;
- 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;
- 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Ví dụ: Ngày 20/11/2014, anh B phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 136 BLHS năm 1999 và bị xử phạt một năm tù và phải bồi thường 5 triệu đồng và phải chịu án phí hình sự. Đến ngày 20/9/2015, anh B chấp hành xong bản án. Nếu áp dụng BLHS năm 1999, thì thời hạn xóa án tích đối với anh B là 3 năm mà áp dụng BLHS năm 2015, thời hạn xóa án tích đối với anh B là 02 năm.

Đây là quy định theo hướng có lợi cho người phạm tội, thể hiện tính nhân đạo, tạo điều kiện cho họ sớm hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống và trở thành người công dân tốt.

2.2.1.3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xóa án tích

Khi đã có đủ những điều kiện quy định tại Điều 64 BLHS năm 1999, thì người đã bị kết án được đương nhiên xóa án tích tức là được coi như chưa can án. Trong trường hợp đương nhiên được xóa án tích, giấy tờ pháp lý chứng minh việc được xóa án tích là Giấy chứng nhận xóa án tích do Tòa án cấp sơ thẩm cấp. Tuy nhiên, Tòa án không phải cấp Giấy chứng nhận cho tất cả những người được đương nhiên xóa án tích mà chỉ cấp Giấy chứng nhận khi những người được xóa án tích yêu cầu.

Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xóa án tích đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích được quy định cụ thể tại Điều 270 BLTTHS năm 2003, với nội dung: “*Theo yêu cầu của người được đương nhiên xóa án tích quy định tại Điều 64 của Bộ luật hình sự, Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án cấp Giấy chứng nhận là họ đã được xóa án tích*”.

Theo đó, người muốn được cấp Giấy chứng nhận xóa án tích phải nộp đơn xin xóa án tích tại Tòa án đã xử sơ thẩm. Kèm theo đơn là những giấy tờ sau:

- Bản sao bản án (Bản án sơ thẩm, Bản án phúc thẩm, Quyết định Giám đốc thẩm, tái thẩm)

- Giấy chứng nhận của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi họ thường trú là họ đã không phạm tội mới trong thời gian mà pháp luật đã quy định để được xóa án tích.

- Trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội, phạt tù, thì tùy từng trường hợp, phải có giấy tha sau khi đã hết thời hạn tù; giấy chứng nhận của Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị kỷ luật của quân đội nơi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cải tạo tại đơn vị quân đội; quyết định của Tòa án giảm thời gian chấp hành hình phạt.

- Nếu người bị kết án còn bị hình phạt bổ sung thì tùy từng trường hợp phải có những giấy tờ sau: Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt quản chế hoặc cấm cư trú; Biên lai nộp tiền phạt...

- Nếu bản án có quyết định về bồi thường thiệt hại thì người bị kết án phải nộp những giấy tờ chứng minh đã bồi thường xong.

- Biên lai nộp án phí.

Chánh án tòa án ký Giấy chứng nhận xóa án tích và nếu cần thì phải tiến hành những biện pháp xác minh.

Giấy chứng nhận xóa án tích được cấp cho người đã được xóa án tích và sao gửi cho Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người đó cư trú.

Nếu xét thấy người bị kết án chưa đủ điều kiện để được xóa án tích thì Chánh án tòa án trả lời cho người đó biết.

BLHS năm 2015 đã bỏ quy định Tòa án cấp Giấy chứng nhận đương nhiên xóa án tích và mà thẩm quyền này đã giao cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này.

2.2.2. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án

2.2.2.1. Đối tượng xóa án tích theo quyết định của Tòa án

Điều 65 BLHS năm 1999 quy định:

“1. Toà án quyết định việc xóa án tích đối với những người đã bị kết án về các tội quy định tại Chương XI và Chương XXIV của Bộ luật này, căn cứ vào tính chất của tội phạm đã được thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị phạt tù đến ba năm mà không phạm tội mới trong thời hạn ba năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án;

b) Đã bị phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm mà không phạm tội mới trong thời hạn bảy năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án;

c) Đã bị phạt tù trên mười lăm năm mà không phạm tội mới trong thời hạn mười năm, kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án.

2. Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu phải chờ một năm sau mới được xin xóa án tích; nếu bị bác đơn lần thứ hai trở đi thì phải sau hai năm mới được xin xóa án tích.”

Điều 71 BLHS 2015 quy định về xóa án tích theo quyết định của Tòa án

1. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án được áp dụng đối với người bị kết án về các tội quy định tại Chương XIII và Chương XXVI của Bộ luật này khi họ đã chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với những người đã bị kết án về các tội quy định tại Chương XIII và Chương XXVI của Bộ luật này, căn cứ

vào tính chất của tội phạm đã thực hiện, thái độ chấp hành pháp luật, thái độ lao động của người bị kết án.

2. Người bị kết án được Tòa án quyết định xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) 03 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 05 năm;

b) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

c) 07 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại điểm a khoản này thì thời hạn được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

3. Người bị kết án được Tòa án quyết định xóa án tích, nếu từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.

Căn cứ vào những quy định trên, có thể khẳng định, việc xóa án tích do Tòa án quyết định chỉ đặt ra đối với những người bị kết án và các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Ngoài tính chất của tội phạm đã được thực hiện, Tòa án khi quyết định xóa án tích hay không xóa án tích, còn phải căn cứ vào nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án trong những trường hợp trên.

So sánh về thời gian thử thách giữa đương nhiên được xóa án tích với xóa án tích theo quyết định của Tòa án, thời gian thử thách của xóa án tích theo

quyết định của Tòa án dài hơn. Điều này được lý giải là do những tội phạm thuộc diện xóa án tích do Tòa án quyết định có tính chất nghiêm trọng hơn, và phần nào, với quy định này thể hiện được chính sách hình sự nhất quán của Nhà nước ta đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia và xâm phạm các lợi ích mang tính chất nhân loại được quy định tại Chương XI và Chương XXIV BLHS năm 1999.

Căn cứ vào Điều 65 BLHS năm 1999, có thể khẳng định, việc xóa án tích do Tòa án quyết định chỉ đặt ra đối với những người bị kết án và các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Ngoài tính chất của tội phạm đã được thực hiện, Tòa án khi quyết định xóa án tích hay không xóa án tích, còn phải căn cứ vào nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án trong những trường hợp trên. Có thể thấy, đối với tội phạm quy định tại Chương XI và Chương XXIV BLHS năm 1999, đây là những loại tội xâm phạm tới an ninh quốc gia, xã hội, tới hòa bình thế giới - là những khách thể đặc biệt quan trọng nên đánh giá chung thì các tội xâm phạm an ninh quốc gia, phá hoại hòa bình chống loài người là tội phạm có tính chất nghiêm trọng hơn so với các tội phạm khác. Vì vậy, khi xóa án tích - xóa đi dấu vết đã từng phạm tội đối với những trường hợp này cần phải có sự xem xét kỹ lưỡng, chặt chẽ của Tòa án.

So sánh với quy định về thời gian được Tòa án quyết định xóa án tích thì BLHS năm 2015 đã rút ngắn thời hạn, thay vì quy định các mốc thời gian lần lượt là 03 năm, 07 năm và mười năm của BLHS 1999 thì BLHS 2015 quy định là 03 năm, 05, năm và 07 năm.

Điều này thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội.

2.2.2.2. Các điều kiện để được Tòa án xem xét, quyết định xóa án tích

Xuất phát từ tính chất của loại tội phạm quy định tại các Chương XI và

Chương XXIV BLHS năm 1999. Do vậy, muốn được Tòa án xem xét xóa án tích buộc người bị kết án phải tuân thủ đó là ngoài điều kiện bắt buộc là thời gian thử thách được tính từ khi chấp hành xong bản án và điều kiện không phạm tội mới trong khoảng thời gian đó, để quyết định xóa án tích cho những người bị kết án theo quy định ở Điều 65 BLHS năm 1999, Tòa án còn phải căn cứ vào tính chất của tội phạm đã được thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án. Cụ thể:

Một là, Sự xem xét quyết định của Tòa án căn cứ vào tính chất của tội phạm đã được thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và lao động của người bị kết án.

Đây là những điều kiện bổ sung cần thiết và là yếu tố đặc trưng nhằm phân biệt với điều kiện để được đương nhiên xóa án tích. Vấn đề đặt ra là Tòa án sẽ đánh giá thế nào về tính chất của tội phạm đã thực hiện, nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án? Về tính chất nguy hiểm của tội phạm sẽ được thể hiện thông qua tính chất quan trọng của khách thể, hậu quả tội phạm, lỗi, mặt khách quan và chủ quan của tội phạm. Nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc tính, dấu hiệu thể hiện bản chất xã hội của con người, bao gồm đặc điểm xã hội (giới tính, tuổi, trình độ văn hóa, xã hội, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, kinh tế...), đặc điểm pháp lý hình sự (tiền án, tiền sự...), đặc điểm tâm sinh lý (quan điểm, thói quen, tình cảm...). Các yếu tố về nguyên nhân, tính chất của tội phạm đã thực hiện, nhân thân người phạm tội thường được đánh giá và thể hiện trong bản án của Tòa án như họ đã phạm tội gì, giữ vai trò như thế nào khi thực hiện tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thế nào, có tái phạm, tái phạm nguy hiểm không, những biểu hiện hành vi khác trong quá trình điều tra xét xử. Đồng thời cũng cần căn cứ vào việc sau khi chấp hành xong bản án, nhân thân người phạm tội có sự chuyển biến theo chiều hướng tích cực hay không. Còn về thái độ chấp hành

pháp luật và thái độ lao động của người bị kết án thì Tòa án sẽ thông qua bản nhận xét và giấy tờ xác nhận của cơ quan thi hành án, cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương nơi người bị kết án làm việc hoặc thường trú người bị kết án là có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chính sách và tích cực lao động cải tạo (nếu có khả năng lao động) ở địa phương hay không. Người có thái độ chấp hành pháp luật và lao động tốt là người thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, không vi phạm pháp luật và tích cực tham gia vào hoạt động lao động cũng như hoạt động xã hội. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Điều 3 Mục II Thông tư liên ngành số 02/1986 thì *“chỉ coi là không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật, những trường hợp đã bị xử phạt hành chính về những hành vi phạm pháp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm về hình sự mà không chịu sửa chữa. Đối với những trường hợp chỉ là việc vi phạm nhỏ nhất thì không nên căn cứ vào đó mà không cho xóa án”*. Có thể thấy, pháp luật không quy định rõ ràng căn cứ đánh giá tính chất tội phạm, nhân thân cũng như thái độ chấp hành pháp luật, lao động của người bị kết án như thế nào mới đủ để điều kiện để được xóa án tích theo quy định tại Điều 65 BLHS năm 1999. Vì vậy, trên thực tế, việc đánh giá và xem xét những yếu tố này phụ thuộc lớn vào cách nhìn nhận, quan điểm xét xử cũng như trình độ chuyên môn của Tòa án các cấp.

Hai là, Người bị kết án không phạm tội mới trong thời hạn luật định từ khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án. Tùy thuộc vào mức độ hình phạt mà BLHS năm 1999 quy định các mức thời hạn xóa án tích là khác nhau, cụ thể:

- Thời hạn là ba năm nếu bị phạt tù đến ba năm;
- Thời hạn là bảy năm nếu bị phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;
- Thời hạn là mười năm nếu bị phạt tù trên mười lăm năm.

So sánh với quy định thời hạn xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì BLHS 2015 đã rút ngắn hơn, cụ thể:

- 03 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 05 năm;
- 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;
- 07 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Ví dụ: Bị cáo A bị kết án phạt 05 năm tù về tội “gián điệp” theo khoản 1 Điều 80 BLHS năm 1999. Đến ngày 20/10/2012, A chấp hành xong bản án. Nếu áp dụng BLHS năm 1999 thì căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 65, thì đến ngày 20/10/2019 A mới được xóa án tích. Nhưng nếu áp dụng BLHS 2015 thì đến ngày 20/10/2017 A được xóa án tích theo quyết định của Tòa án.

Ngoài ra, khoản 1 Điều 71 BLHS 2015 còn quy định: Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại điểm a khoản này thì thời hạn được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

Có thể thấy, điều kiện để được xóa án tích theo quyết định của Tòa án được quy định chặt chẽ hơn so với trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Người bị kết án có được xóa án tích hay không không chỉ phụ thuộc vào sự cố gắng nỗ lực hoàn lương, hòa nhập với cuộc sống của người phạm tội mà còn phụ thuộc vào sự đánh giá và quyết định của Tòa án xem liệu sự cố gắng và nỗ lực đó của người phạm tội đã đủ để chứng minh sự thực sự hoàn lương của họ hay không. Vì vậy, có thể xảy ra trường hợp người bị kết án bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích. Theo khoản 2 Điều 65 BLHS năm 1999 và khoản 4 Điều 71 BLHS năm 2015 đều quy định “*nếu bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu phải chờ sau một năm mới được xin xóa án tích lại, nếu bị bác đơn lần hai trở đi thì phải sau hai năm mới được xin xóa án tích*”. Nếu bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu phải chờ sau một năm kể từ ngày bị bác đơn lần

đầu mới được xin xóa án tích lại, nếu bị bác đơn lần hai trở đi thì phải sau hai năm từ ngày bị bác đơn xin xóa án tích mới được xin xóa án tích.

2.2.2.3. Thủ tục Tòa án xem xét, quyết định xóa án tích

Do tính chất nguy hiểm của đối tượng được xóa án tích theo quyết định của Tòa án mà thủ tục xóa án tích trong trường hợp theo quyết định của Tòa án cũng phức tạp hơn trường hợp đương nhiên xóa án tích. Điều 271 BLTTHS năm 2003 đã quy định:

“1. Trong những trường hợp quy định tại Điều 65 và Điều 66 của Bộ luật Hình sự, việc xóa án tích do Tòa án quyết định. Người bị kết án phải có đơn gửi Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án kèm theo nhận xét của chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ cư trú hoặc làm việc.

2. Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm chuyển tài liệu về việc xin xóa án tích cho Viện kiểm sát cùng cấp để phát biểu ý kiến bằng văn bản. Nếu xét thấy đủ điều kiện thì Chánh án ra quyết định xóa án tích; trong trường hợp chưa đủ điều kiện thì quyết định bác đơn xin xóa án tích.”

Như vậy, giấy tờ pháp lý chứng minh việc được xóa án tích trong trường hợp này là Quyết định xóa án tích do Tòa án cấp sơ thẩm ban hành.

Thủ tục xóa án tích theo quyết định của Tòa án được quy định cụ thể như sau:

- Người muốn xin xóa án tích phải làm đơn gửi cho Tòa án đã xử sơ thẩm tội phạm cũ của mình và kèm theo đơn, phải có những giấy tờ chứng minh họ có đủ những điều kiện xóa án tích (bao gồm bản sao bản án, biên lai nộp tiền án phí và các khoản về dân sự trong vụ án bồi thường thiệt hại, xung công quỹ...), giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù, xác nhận của cơ quan công an cấp huyện với nội dung từ khi chấp hành xong bản án đến nay chưa phạm tội mới. Đồng thời cũng phải có giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường nơi họ thường trú về thái độ chấp hành chính sách, pháp luật và thái độ lao động của họ ở địa phương.

- Sau khi nhận đơn, Tòa án kiểm tra những điều kiện được xoá án tích và nếu cần thì tiến hành những biện pháp xác minh. Nếu hồ sơ đầy đủ thì Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp để Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về người bị kết án có đủ điều kiện được xoá án tích hay không. Trong thời hạn 10 ngày (BLTTHS 2015 quy định 05 ngày) kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện trưởng Viện Kiểm sát phải phát biểu ý kiến và gửi trả hồ sơ cho Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm sẽ lập một Hội đồng xét duyệt do Chánh án chủ trì để quyết định xem có đủ điều kiện để xoá án tích hay không. Chánh án có quyền ra Quyết định xoá án tích hoặc bác đơn xin xoá án. Quyết định xoá án tích phải gửi cho người bị kết án, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người được xoá án thường trú. Trường hợp bác đơn xin xoá án tích thì phải nói rõ lý do.

- Viện Kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, đối với quyết định xoá án tích. Nếu quyết định của Chánh án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có sai lầm thì có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Người bị Tòa án bác đơn xin xoá án tích lần đầu phải chờ một năm sau mới được xin xoá án tích. Nếu bị bác đơn lần thứ hai thì phải sau hai năm mới lại được xin xoá án tích. Những lần sau xin xoá án tích thì người đã bị kết án chỉ cần nộp thêm những giấy tờ chứng minh đã khắc phục những thiếu sót trước đây đã là nguyên nhân làm cho họ chưa được xoá án tích.

Như vậy, thủ tục ra Quyết định xoá án tích được quy định chặt chẽ hơn với sự phối hợp, tham khảo ý kiến của nhiều cơ quan có thẩm quyền liên quan (Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, Công an, Ủy ban nhân dân...). Điều này thể hiện sự thận trọng trong việc xoá án tích đối với những tội phạm có tính nguy hiểm cao này.

2.2.3. Xoá án tích trong trường hợp đặc biệt và đối với người dưới 18 tuổi

2.2.3.1. Xoá án tích trong trường hợp đặc biệt

Theo Điều 66 BLHS năm 1999 quy định: "*Trong trường hợp người bị*

kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú đề nghị, thì có thể được Tòa án xóa án tích nếu người đó đã đảm bảo được ít nhất một phần ba thời hạn quy định".

Điều 72 BLHS năm 2015 quy định: *"Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú đề nghị, thì Tòa án quyết định việc xóa án tích nếu người đó đã bảo đảm được ít nhất một phần ba thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 70 và khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này".*

Cả BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 đều bắt buộc người bị kết án phải có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú đề nghị thì mới được Tòa án xem xét. Quy định trên thể hiện rõ nét nhất tính chất nhân đạo và khuyến khích phục thiện trong chính sách hình sự của Nhà nước ta nói chung và trong quy định xóa án tích trong trường hợp đặc biệt nói riêng. Với quy định này, các nhà làm luật mong muốn khuyến khích người bị kết án tích cực rèn luyện, thể hiện quyết tâm trở lại với cuộc sống lương thiện để sớm được coi là người chưa can án.

Với điều kiện, người bị kết án phải chấp hành một khoảng thời gian tối thiểu là một phần ba thời hạn quy định, thì mới được xét xóa án tích trước thời hạn khi đáp ứng được đầy đủ các điều kiện khác mà nhà làm luật đã dự liệu. Như vậy, trong trường hợp này việc xóa án tích trước thời hạn trong trường hợp đặc biệt mặc nhiên đã trở thành xóa án tích do Tòa án quyết định. Không phải mọi trường hợp khi cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương đề nghị đều được Tòa án xóa án tích. Điều luật quy định Tòa án có thể xóa án tích, cũng có thể không xóa án tích cho người bị kết án.

Hay nói cách khác, xóa án tích trong trường hợp đặc biệt là một trong những hình thức xóa án tích do Tòa án quyết định.

Sự tiến bộ rõ rệt nói trong Điều 66 được thể hiện qua những tình tiết như người đó tự giác tham gia sinh hoạt trong một tổ chức xã hội bằng hoạt động có ích nhất định, làm việc có hiệu quả cao trong cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tại điểm a Điều 11 Nghị quyết số 01/2000/NQ - HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 4/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS năm 1999 giải thích "*Có tiến bộ rõ rệt*" là "*sau khi chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án đã hoà nhập vào cộng đồng, tham gia làm ăn lương thiện, chấp hành đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước...*". Sự tiến bộ rõ rệt ở đây được hiểu chính là thái độ quyết tâm hòa nhập cộng đồng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và thái độ đó đã được thể hiện bằng hành động "*đã lập công*". "*Đã lập công*" được hiểu là "*có thành tích xuất sắc trong cuộc sống, trong sản xuất, chiến đấu, học tập, công tác được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng nhận*". Ví dụ như người bị kết án đã cứu được người khác trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng hay phát hiện, tố giác tội phạm... được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, chứng nhận. Hai điều kiện này phải đảm bảo đủ nhằm chứng tỏ sự cố gắng nỗ lực hoàn lương của người phạm tội trong thời gian qua.

Vấn đề cần chú ý ở đây là, đề nghị của cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức xã hội là một bắt buộc để Tòa án xem xét vấn đề xóa án tích trước thời hạn cho người bị kết án.

Theo quy định tại Điều 271 BLTTHS năm 2003, thủ tục xóa án tích trong trường hợp đặc biệt được quy định tương tự trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Tức là, người xin xóa án tích sẽ nộp đơn xin xóa án

cùng các văn bản giấy tờ chứng minh việc chấp hành bản án cũng như không phạm tội mới trong thời gian xóa án tích và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về những tiến bộ rõ rệt của người đó. Tòa án sẽ xem xét và quyết định cho xóa án tích theo trường hợp đặc biệt hay không.

Quy định về trường hợp xóa án tích đặc biệt này đã thể hiện chính sách nhân đạo vô cùng sâu sắc của pháp luật Việt Nam, nâng cao tinh thần tự nguyện sửa đổi của những người phạm tội. Mặc dù phạm bất cứ tội phạm nào, nếu thực sự có nỗ lực cải tạo, Nhà nước luôn tạo điều kiện thuận lợi để những người phạm tội sớm quay về với cộng đồng.

2.2.3.2. Xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi

Trong chính sách xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội các nhà làm luật luôn đề cao chính sách giáo dục hơn là trừng trị, bởi người chưa thành niên là một đối tượng đặc biệt, nhận thức còn hạn chế, do vậy cách gọi tên thay vì người chưa thành niên phạm tội thì các nhà làm luật đã thay đổi tên gọi là người dưới 18 tuổi phạm tội, theo đó cũng phân biệt từng độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự có khác nhau: từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi; Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý.

Điều 77 BLHS năm 1999 quy định:

“1. Thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên là một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 của Bộ luật này.

2. Người chưa thành niên phạm tội, nếu được áp dụng những biện pháp tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 70 của Bộ luật này, thì không bị coi là có án tích.”

Xuất phát từ chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta là nhân đạo, trừng trị kết hợp với cải tạo giáo dục người phạm tội trở thành người công dân tốt, có ích đối với xã hội, nên thời hạn để người chưa thành niên được xóa án tích ngắn hơn rất nhiều so với người đã thành niên. Theo quy định tại khoản 1

Điều 77 BLHS năm 1999, thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội chỉ bằng một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 BLHS năm 1999. Cụ thể như sau:

+ Sáu tháng đối với trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

+ Một năm sáu tháng đối với trường hợp bị phạt tù đến ba năm;

+ Hai năm sáu tháng đối với trường hợp bị phạt tù từ trên ba năm đến mười lăm năm;

+ Ba năm sáu tháng đối với trường hợp bị phạt tù từ trên mười lăm năm.

BLHS năm 1999 không quy định rõ là người chưa thành niên phạm tội gì thì áp dụng quy định về thời hạn này. Nên phải chăng người chưa thành niên phạm mọi tội phạm không phân biệt tội phạm thuộc Chương XI, Chương XXIV hay không thì đều áp dụng thời hạn này? Về vấn đề này, có quan điểm cho rằng, xuất phát từ chính sách nhân đạo đặc biệt cũng như nguyên tắc lấy mục đích giáo dục là chủ yếu trong việc xử lý trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội nên đối với người chưa thành niên phạm tội thì chỉ áp dụng hình thức đương nhiên xóa án tích mà không áp dụng hình thức xóa án tích do Tòa án quyết định [18, tr.266]. Tức là trong trường hợp này, dù người chưa thành niên phạm bất cứ tội gì, chỉ cần đảm bảo điều kiện không phạm tội mới trong thời hạn vừa nêu thì sẽ được đương nhiên xóa án tích. Người viết cũng đồng tình với quan điểm trên. Từ đó, có thể thấy, thủ tục xin xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội cũng thực hiện theo quy định về thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận xóa án tích, được quy định tại Điều 270 BLTTHS năm 2003 và hướng dẫn tại Mục III của Thông tư liên ngành số 02/1986.

Tuy nhiên, Điều 107 BLHS năm 2015 đã tách bạch hơn, không quy định chung chung về thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội

chỉ bằng một phần hai so với người đã thành niên mà đã quy định người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc trường người thực hiện hành vi phạm tội từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi; Người thực hiện hành vi phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý; và người bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

2.2.4. Cách tính thời hạn xóa án tích

Vấn đề thời hạn và cách thức xác định thời hạn trong pháp luật hình sự luôn là vấn đề phức tạp. Điều này không loại trừ thời hạn để xóa án tích. Nhằm tạo cơ sở cho việc xác định thời hạn để xóa án tích, Điều 67 BLHS năm 1999 đã đưa ra các nguyên tắc về cách tính thời hạn, cụ thể:

“1. Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 64 và Điều 65 của Bộ luật này căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.

2. Nếu chưa được xóa án tích mà phạm tội mới, thì thời hạn để xóa án tích cũ tính từ ngày chấp hành xong bản án mới.

3. Việc chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án.

4. Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.”

Điều 73 BLHS năm 2015 quy định:

1. Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật này căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.

2. Người bị kết án chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xóa án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành.

3. Người bị kết án trong trường hợp phạm nhiều tội mà có tội thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích, có tội thuộc trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì căn cứ vào thời hạn quy định tại Điều 71 của Bộ luật này Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với người đó.

4. Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.

Khác với BLHS 1999 quy định người bị kết án phải chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án (bao gồm bồi thường thiệt hại, án phí) mới được xóa án tích, thì BLHS 2015 chỉ quy định người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính đã tuyên.

Ví dụ: Bị cáo A bị kết án phạt 01 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 và bồi thường cho anh B số tiền 5 triệu đồng, án phí HSST 200.000đ. Đến ngày 20/10/2014, A chấp hành xong bản án (chưa bồi thường cho anh B số tiền 5 triệu đồng, đã nộp 200.000đ án phí HSST). Nếu áp dụng BLHS năm 1999 thì 03 năm sau kể từ ngày anh A bồi thường đủ cho anh B số tiền 5 triệu thì sẽ đương nhiên xóa án tích. Trường hợp áp dụng BLHS 2015 thì đến ngày 20/10/2016 A đương nhiên được xóa án tích.

Trường hợp này quy định theo hướng có lợi cho người bị kết án, nhưng sẽ bất lợi cho người được thi hành án, tài sản cho nhà nước nếu gặp người bị kết án khó khăn hoặc chây ì trong việc thi hành các khoản bồi thường, phần trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự hoặc phần án phí. Hơn nữa sẽ không khuyến khích họ tự nguyện thực hiện các khoản nói trên. Do vậy theo quan điểm cá nhân thì tôi cho rằng cần phải đảm bảo điều kiện là người bị kết án phải thực hiện xong các phần khác của bản án mới được công nhận hoặc đương nhiên xóa án tích mới đảm bảo công bằng cho người được thi hành án,

đồng thời để cho người bị kết án phải có trách nhiệm/hoặc gắn kết trách nhiệm của mình với cá nhân, tổ chức khác mà mình phải có nghĩa vụ thi hành.

2.2.5. Căn cứ để xác định thời hạn

Theo quy định của Điều 67 BLHS năm 1999, thời hạn để xóa án tích đối với cả trường hợp đương nhiên xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án là căn cứ vào hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên đối với người phạm tội. Dựa vào hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên trong bản án là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo hoặc phạt tù với các thời hạn khác nhau mà xác định thời hạn để xóa án tích là một năm, ba năm, năm năm, bảy năm hoặc mười năm. BLHS 2015 quy định thời hạn xóa án tích là 01 năm, 03 năm, 05, năm và 07 năm.

Hình phạt chính đã tuyên phải là hình phạt chính được Tòa án tuyên bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật. Bởi vậy, nếu bản án đã bị phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, thì hình phạt chính đã tuyên phải được hiểu là hình phạt được tuyên trong bản án cuối cùng có hiệu lực pháp luật. Việc lấy hình phạt chính làm căn cứ để tính thời hạn để xóa án tích là hoàn toàn hợp lý. Bởi vì, thứ nhất, hình phạt chính là biểu hiện tập trung đánh giá của Tòa án đối với hành vi phạm tội; thứ hai, một bản án kết tội nào của Tòa án cũng có hình phạt chính.

2.2.6. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn xóa án tích

Trước hết, vấn đề đặt ra cần nghiên cứu giải quyết, đó là có hay không có mâu thuẫn khi mà khoản 1 Điều 67 BLHS năm 1999 quy định: Thời hạn để xóa án tích căn cứ vào hình phạt chính, còn khoản 3 lại quy định: Chấp hành xong bản án không có nghĩa là chỉ chấp hành xong hình phạt chính, mà còn là hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án. Như vậy, thời gian để xóa án tích lại có thể tính từ thời điểm người bị kết án chấp hành xong hình phạt bổ sung hoặc chấp hành xong các quyết định khác của bản án. Để

giải quyết vấn đề này, chúng ta có thể lý giải như sau: Quy định ở khoản 1 là quy định nội dung. Với quy định này, đã đưa ra một lượng thời gian dài hay ngắn, nhà làm luật đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hình phạt chính mà Tòa án đã tuyên đối với người bị kết án. Còn quy định tại khoản 3 Điều 67 BLHS năm 1999 chỉ giúp chúng ta xác định cách tính thời hạn, tức là chỉ rõ trường hợp nào thì sẽ lấy mốc nào.

Nếu thời hạn để xóa án tích được căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên thì mốc tính thời hạn đó được bắt đầu kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án, chứ không phải bắt đầu được tính kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính. Bởi theo khoản 3 Điều 67 BLHS 1999 “*Việc chấp hành xong bản án bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án*”, tức là việc chấp hành xong bản án phải là chấp hành xong mọi biện pháp cưỡng chế của Nhà nước mà Tòa án đã ghi trong bản án. Theo hướng dẫn tại điểm c Điều 11 Nghị quyết 01/2000/NQ – HĐTP thì được coi là chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án trong các trường hợp sau đây:

- Người bị kết án tự mình đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án;

- Người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, còn các quyết định về tài sản trong bản án hình sự đã có người nộp thay cho người bị kết án (người thân của người bị kết án đã bồi thường thay, đã nộp tiền án phí, tiền phạt... thay cho người bị kết án hoặc người cùng người bị kết án phải liên đới bồi thường đã bồi thường đủ toàn bộ theo quyết định của bản án);

- Người bị xử phạt tù, nhưng được hưởng án treo đã chấp hành xong thời gian thử thách, trong trường hợp đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án (nếu có).

Người được miễn chấp hành hình phạt còn lại được coi như đã chấp hành xong hình phạt.

Đối với hình phạt cảnh cáo thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bản án coi như được chấp hành xong nếu như không có hoặc đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án.

Thời hạn để được xóa án tích được tính từ ngày người đã bị kết án chấp hành xong bản án đã tuyên. Trong trường hợp người bị kết án chưa được xóa án tích theo Giấy chứng nhận hoặc theo quyết định của Tòa án mà phạm tội mới thì thời hạn để xóa án tích cũ bắt đầu tính từ ngày chấp hành xong bản án mới. Cũng cần lưu ý rằng, thuật ngữ “*phạm tội mới*” nói trong điều luật có nghĩa là người bị kết án thực hiện bất kỳ một tội phạm nào đã quy định trong Bộ luật hình sự trong thời gian mang án tích. Việc người đã bị kết án phạm tội mới trong thời gian người đó còn mang án tích chứng tỏ người đó chưa thật tâm tự cải tạo, giáo dục, không muốn trở thành người lương thiện. Do vậy, pháp luật hình sự quy định thời hạn để xóa án tích cũ được tính từ ngày chấp hành xong bản án mới, là thể hiện tính nghiêm khắc của án tích, làm cho án tích phát huy vai trò, ý nghĩa của nó trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Một căn cứ khác để xác định thời hạn xóa án tích là hết thời hiệu thi hành án. Thời hiệu thi hành bản án hình sự là thời hạn do Bộ luật hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên (Điều 55 BLHS năm 1999). Như vậy, hết thời hiệu thi hành bản án được hiểu là trường hợp người bị kết án vì một lý do khách quan nào đó như được hoãn chấp hành hình phạt tù nhiều lần, do sự sơ suất của cơ quan có thẩm quyền... nên người bị kết án chưa chấp hành hình phạt và không trốn khỏi địa phương, không phạm tội mới trong thời hạn luật định và khi hết thời hạn này người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên nữa.

BLHS 2015 đã sửa theo hướng có lợi cho người phạm tội về cách tính thời hạn làm căn cứ để xóa án tích là kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính đã tuyên chứ không phải kể từ ngày chấp hành xong bản án. Vì chấp hành xong bản án là bao gồm việc chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án, tức là việc chấp hành xong bản án phải là chấp hành xong mọi biện pháp cưỡng chế của Nhà nước mà Tòa án đã ghi trong bản án.

Ví dụ: Bị cáo A bị Tòa án xử phạt 02 năm tù về tội “cố ý gây thương tích”, phải bồi thường cho người bị hại 10 triệu đồng, phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đến ngày 20/11/2015 A chấp hành xong hình phạt chính (tù) và đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm trước đó; Đến ngày 10/5/2016 A mới bồi thường cho người bị hại 10 triệu đồng. Trong trường hợp này theo quy định tại khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999 thì đến ngày 10/5/2019 A đương nhiên được xóa án tích; Nếu áp dụng khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015 thì đến ngày 20/11/2017 A đương nhiên được xóa án tích.

Kết luận Chương 2

Trong chương 2, luận văn đã tiến hành khái quát lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật hình sự về xóa án và xóa án tích. Tập trung nghiên cứu và phân tích thực trạng quy định về xóa án và xóa án tích trong bộ luật hình sự 1985, 1999 và có so sánh BLHS 2015, qua đó luận văn tập trung làm rõ những tiến bộ về mặt lập pháp, mặt thuận lợi cũng như bất cập, hạn chế từ chính các quy định của pháp luật hình sự hiện hành. Đồng thời, trên cơ sở nghiên cứu và khảo sát thực tiễn, luận văn phân tích chỉ ra những bất cập, hạn chế và vướng mắc trong thực tiễn giải quyết vấn đề xóa án tích, xem xét nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hạn chế, bất cập đó, để tạo điều kiện cho việc nghiên cứu đưa ra giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự nói chung và về xóa án tích nói riêng, đề xuất, kiến nghị giải pháp để việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích trong thời gian đến.

CHƯƠNG 3

THỰC TIỄN XÓA ÁN TÍCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO XÓA ÁN TÍCH ĐÚNG

3.1. Thực tiễn xóa án tích trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

3.1.1. Những yếu tố tự nhiên-xã hội tác động đến xóa án tích và kết quả đạt được

Thành phố Đà Nẵng có diện tích tự nhiên là 1.283,42 km²; trong đó, các quận nội thành chiếm diện tích 241,51 km², các huyện ngoại thành chiếm diện tích 1.041,91 km²; Dân số của thành phố khoảng 1.129.000 người (tháng 9/2016), tốc độ tăng dân số tự nhiên ở mức 1%.

Trong lịch sử dân tộc, Đà Nẵng được biết đến không chỉ là một thành phố cảng lớn nhất miền Trung Việt Nam mà còn là một địa danh gắn liền với công cuộc mở mang bờ cõi Đại Việt từ nhiều thế kỉ trước.

Đà Nẵng nằm ở trung độ của Việt Nam, trên trục giao thông huyết mạch Bắc Nam về cả đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, là cửa ngõ giao thông quan trọng của cả miền Trung và Tây Nguyên, là điểm cuối của hành lang kinh tế Đông Tây đi qua các nước Myanmar, Lào, Thái Lan, Việt Nam.

Thành phố Đà Nẵng phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên- Huế, phía Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam, phía đông giáp biển Đông. Trung tâm thành phố cách thủ đô Hà Nội 764km về phía Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh 964km về phía Nam, cách thành phố Huế 108km về hướng Tây Bắc. Đây là một thành phố vừa có núi cao, sông sâu, đồi dốc trung du xen kẽ vùng đồng bằng ven biển hẹp.

Với một vị trí đặc biệt thuận lợi về giao thông đường biển, Đà Nẵng chỉ cách cảng Hải Phòng 310 hải lý, cảng Sài Gòn 520 hải lý, cảng Macao 480 hải lý, cảng Hồng Kông 550 hải lý, cảng Manila 720 hải lý, cảng Malaysia 720 hải lý, cảng Singapore 960 hải lý, cảng Đài Loan 1030 hải lý, cảng Thái Lan 1060

hải lý... nên rất thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển. Là thương cảng lớn thứ 3 của Việt Nam, cảng Đà Nẵng có độ sâu trung bình từ 15-20m, có khả năng tiếp nhận các tàu lớn có trọng tải đến 28.000 tấn và có chiều dài 220m.

Vịnh Đà Nẵng rộng và kín gió, là nơi neo đậu tàu thuyền rất an toàn trong mùa mưa bão. Vào những năm đầu thế kỉ 21, khi cảng Liên Chiểu với công suất 20 triệu tấn/năm được xây dựng xong thì hệ thống cảng Đà Nẵng được nối liền với cảng Kỳ Hà, Dung Quất ở phía Nam sẽ trở thành một cụm cảng liên hoàn lớn nhất nước, giữ vị trí quan trọng trên tuyến hàng hải Đông Nam Á và Đông Bắc Á.

Cùng với quá trình hội nhập và phát triển, thành phố Đà Nẵng cũng như bao thành phố lớn khác trong nước cũng như thế giới đều có nhiều vấn đề bức thiết và phát sinh về tình hình dân số, tội phạm, an ninh trật tự; nhân khẩu, cư trú; địa bàn, đối tượng; trật tự công cộng và an sinh xã hội.

Dân số tập trung đông đúc, xuất phát từ nhiều tỉnh, thành đổ dồn về Thành phố Đà Nẵng học tập, sinh sống, làm ăn phần dẫn đến tình hình tội phạm trong những năm qua trên địa bàn thành phố Đà Nẵng diễn biến ngày càng phức tạp và có xu hướng gia tăng về số lượng và ngày càng tinh vi, gian xảo hơn.

Điều đó đã thể hiện qua kết quả giải quyết, xét xử các vụ án hình sự ở Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng 05 năm qua như sau:

Bảng 3.1. Kết quả xét xử các vụ án hình sự ở tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015

Năm	Số vụ án	Số bị cáo
2011	1.105	1.352
2012	1.257	1.571
2013	1.033	1.482
2014	1.046	1.317
2015	1.324	1.538

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân hai cấp Tp. Đà Nẵng)

Mặc dù tình trạng phạm pháp hình sự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng gia tăng, nhưng công tác xóa án tích vẫn được chú trọng, thực hiện đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo tái hòa nhập cộng đồng, yên tâm sống, lao động, trở thành người có ích cho xã hội.

Thực hiện Nghị định số 80/2011/NĐ-CP của Chính phủ về các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù, địa phương đã đạt được những kết quả nhất định. Hầu hết các đối tượng được hỗ trợ tìm kiếm việc làm hoặc tự tìm kiếm việc làm (152/174 đối tượng, chiếm 87%); một số đối tượng được giúp đỡ vay vốn để ổn định cuộc sống, mở rộng sản xuất kinh doanh. Bản thân người chấp hành xong án phạt tù khi trở về địa phương đã có những chuyển biến trong nhận thức đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định khác của địa phương, qua đó vươn lên, xóa bỏ mặc cảm, tích cực tham gia lao động sản xuất và tham gia công tác xã hội để ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng từ đó hạn chế tỷ lệ tái phạm và vi phạm pháp luật (có 13 người tái phạm, chiếm 8%).

Bảng 3.2. Số người được xóa án tích trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015

STT	Tên Tòa án nhân dân	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	05 năm
01	Quận Hải Châu	02	04	02	05	07	20
02	Quận Thanh Khê	0	04	03	04	04	15
03	Quận Sơn Trà	01	02	03	02	03	11
04	Quận Cẩm Lệ	0	0	02	02	03	07
05	Quận Liên Chiểu	01	0	02	03	04	10
06	Quận Ngũ hành Sơn	0	01	01	04	02	08
07	Huyện Hòa Vang	01	01	02	0	03	07
08	TP. Đà Nẵng	01	03	03	04	06	17
Tổng cộng		06	15	18	24	32	95

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân hai cấp Tp. Đà Nẵng)

3.1.2. Những vi phạm sai lầm và nguyên nhân

3.1.2.1. Pháp luật chưa quy định cụ thể về xóa án tích

Từ khi BLHS năm 1999 ra đời cho đến nay, mới chỉ có Nghị quyết số 01/2000/NQ – HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 4/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999 có giải thích một số quy định về xóa án như cách tính thời hạn xóa án tích, điều kiện xóa án tích trong trường hợp đặc biệt. Trước đó, việc xóa án tích được quy định tại Thông tư liên ngành số 02/TTLN ngày 01/8/1986 và Thông tư liên ngành hướng dẫn bổ sung số 03/TTLN ngày 15/7/1989 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).

Như vậy, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có một văn bản pháp luật nào hướng dẫn cụ thể về thủ tục xóa án tích. BLTTHS năm 2003 có quy định về thủ tục xóa án tích nhưng vẫn còn rất khái quát.

BLHS năm 1999 ra đời và có hiệu lực thi hành trên thực tế trong một khoảng thời gian khá dài, tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật về xóa án tích cũng như trong giới nghiên cứu khoa học luật hình sự vẫn chưa đi đến một cách hiểu thống nhất về khái niệm án tích cũng như khái niệm xóa án tích. Chính vấn đề này đã gây khó khăn trong việc giải thích pháp luật cũng công tác áp dụng pháp luật. Do vậy, trong lần sửa đổi sắp tới, các nhà làm luật nên đưa ra một khái niệm cụ thể, rõ ràng về án tích, xóa án tích và những vấn đề khác có liên quan.

Trong quá trình áp dụng những quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích đã nổi lên một vấn đề gây tranh luận, đó là thời hạn xóa án tích tính từ lúc nào, kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính hay kể từ khi chấp hành xong tất cả các hình phạt và quyết định mà Tòa án đã buộc người phạm tội phải chấp hành? Theo quan điểm của đại đa số các nhà luật học hiện nay thì thời

hạn xóa án tích được tính kể từ ngày người bị kết án chấp hành xong toàn bộ bản án. Điều này được hiểu là chỉ khi nào người bị kết án chấp hành xong tất cả các hình phạt chính, hình phạt bổ sung và quyết định của Tòa án thì mới bắt đầu tính thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 64 và Điều 65 BLHS năm 1999. Còn trong trường hợp, người bị kết án mới chấp hành xong hình phạt chính mà chưa chấp hành xong các phần khác của bản án thì chưa được tính thời hạn để xóa án tích.

Hiện nay, có quan điểm cho rằng, thời hạn để tính xóa án tích được tính kể từ ngày người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính, các phần khác của bản án, người bị kết án có thể chấp hành bất cứ lúc nào. Chỉ khi nào chấp hành xong hết bản án thì mới được xem xét xóa án tích. Dưới góc độ nghiên cứu khoa học mà nhìn nhận vấn đề thì quan điểm này không hề trái với các quy định của BLHS năm 1999.

Để giải quyết vấn đề pháp lý này, khi sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2015 các nhà làm luật đã sửa theo theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho họ cả về thời hạn, thủ tục và điều kiện để được xóa án tích sớm hơn so với quy định của BLHS năm 1999.

Đối với quy định đương nhiên được xóa án tích trong BLHS 1999 còn hạn chế quyền của người phạm tội, cụ thể:

Tại Điều 63 BLHS năm 1999 quy định người được đương nhiên xóa án tích chỉ được xóa án tích khi có giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án xét xử cấp sơ thẩm. Trường hợp, nếu không có giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án thì dù về nguyên tắc, họ đã đảm bảo đủ điều kiện để được xóa án tích nhưng trên thực tế, họ vẫn mang án tích. Vì vậy, xảy ra nghịch lý là cùng phạm tội, cùng bị kết án và cùng chấp hành xong hình phạt và đảm bảo không vi phạm gì trong thời hạn quy định từ khi chấp hành xong bản án. Nhưng một

người xin giấy chứng nhận xóa án tích còn một người thì không xin cấp giấy chứng nhận, thì mức án cầu họ sẽ khác nhau.

Ví dụ: A và B đều có án tích và cùng có hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản giống nhau, nhưng bị cáo A không xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích thì mức án tù lên đến 07 năm tù với tình tiết tăng nặng là tái phạm trong khi bị cáo B đã xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích thì mức án cao nhất chỉ đến 03 năm tù.

Thực tiễn xét xử cũng cho thấy, không ít cơ quan tiến hành tố tụng chỉ quan tâm tới người phạm tội đã được xóa án hay chưa vì nó liên quan đến việc xác định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm hay tái phạm nguy hiểm mà ít căn cứ vào điều kiện xin xóa án để xác định người phạm tội có còn án tích hay không.

Đây là thực tế khiến không ít người phải chịu hậu quả do pháp luật quy định chưa rõ ràng và theo tôi, cần quy định rõ là người đương nhiên được xóa án tích được hiểu đây là trường hợp người đã từng bị kết án được xóa án tích sau khi đã đảm bảo đủ điều kiện luật định. Việc có xin cấp Giấy chứng nhận xóa án tích hay không không thay đổi được bản chất pháp lý là người đó đã được xóa án tích. Hiểu như vậy, mới đảm bảo hết tính chất “*đương nhiên*” xóa án trong trường hợp đương nhiên xóa án tích cũng như đảm bảo quyền lợi cho những người bị kết án được đương nhiên xóa án tích. Vì vậy, trong Luật Lý lịch tư pháp năm 2010 đã mở rộng thẩm quyền cho Trung tâm lý lịch tư pháp, theo đó, Trung tâm lý lịch tư pháp có nhiệm vụ tự động cập nhật lý lịch về xóa án tích đối với những trường hợp được đương nhiên xóa án tích. Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp năm 2010 có quy định đối với những người đủ điều kiện được đương nhiên xóa án tích thì họ có thể xin Tòa án cấp Giấy chứng nhận xóa án tích hoặc xin lý lịch tư pháp với nội dung chưa can án do Trung tâm lý lịch tư pháp cấp. Đây là quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho

những người đủ điều kiện được đương nhiên xóa án tích, nhằm giảm bớt thủ tục pháp lý rườm rà, giảm nhẹ gánh nặng hành chính cho cơ quan Tòa án.

BLHS sửa đổi năm 2009 có quy định không xử lý về hình sự đối với người thực hiện một số hành vi được quy định là tội phạm trong BLHS năm 1999. Ngày 19 tháng 6 năm 2009, Nghị quyết số 33/2009/NQ - QH ra đời hướng dẫn một số điều của Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2009, trong đó có quy định về trường hợp đương nhiên xóa án tích đối với những người trong trường hợp này. Theo quy định của Nghị quyết 33/2009/NQ - QH hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2009 và Mục 4 Công văn 105/TANDTC- KHXX ngày 17/7/2009 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 33/2009/NQ – QH, đối với một số trường hợp đã bị xử lý về tội phạm theo BLHS năm 1999 mà đến BLHS sửa đổi năm 2009 hành vi này không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nữa thì những người thực hiện những hành vi này và bị áp dụng hình phạt sẽ được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt hoặc phần hình phạt còn lại. Và theo điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 33/2009/NQ-QH, những người này đương nhiên được xóa án tích. Tuy nhiên, các văn bản trên lại chưa đề cập đến người trong trường hợp này nếu bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo thì xử lý như thế nào. Vì vậy, thực tế đã xảy ra những quan điểm khác nhau trong việc xử lý trường hợp này. Ví dụ như tháng 5 năm 2009, A và B cùng phạm tội trộm cắp tài sản trị giá 500.000 đồng. A bị phạt 6 tháng tù giam còn B được hưởng án treo với thời hạn thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Theo Nghị quyết 33/2009/NQ - QH, A được miễn chấp hành hình phạt và đương nhiên được xóa án tích còn B không được xóa án tích do chưa có văn bản hướng dẫn. B vẫn phải chịu sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú trong thời gian thử thách. Nếu B phạm tội mới trong thời gian thử thách thì cần phải tổng hợp hình phạt về tội cũ và mới theo khoản 5 Điều 60 BLHS năm 1999 hay không? Và trong trường hợp này có tính là tái phạm hay tái phạm nguy hiểm hay không? Có ý kiến cho rằng trong trường hợp này, Chánh án đã ra quyết định thi hành án hình phạt tù

nhưng cho hưởng án treo sẽ phải ra quyết định miễn toàn bộ thời gian thử thách còn lại cho người bị án treo và họ đương nhiên được xóa án tích [17, tr.40]. Trong “*Tham luận những vướng mắc trong công tác xét xử các vụ án hình sự năm 2009 và những kiến nghị*” tháng 1/2010 của Tòa Hình sự Tòa án nhân dân tối cao đã nêu ý kiến về hướng xử lý trong trường hợp này là Chánh án ra quyết định miễn chấp hành hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo, trong đó ghi rõ về việc miễn chấp hành hình phạt án treo cùng với thời gian thử thách.

Ví dụ: B bị phạt tù 6 tháng và cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 12 tháng thì Quyết định miễn chấp hành hình phạt cũng phải ghi rõ: “*Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 33/2009/NQ - QH, miễn chấp hành hình phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đối với bị cáo B, bị cáo đương nhiên được xóa án tích*”.

Đồng thời, theo điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 33/2009/NQ - QH hướng dẫn thì không xử lý hình sự đối với người thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 trừ trường hợp có yếu tố định tội khác mà tài sản bị chiếm đoạt dưới 2 triệu đồng. Vậy nếu một người có một tiền sự (bị xử lý hành chính) mà phạm tội trộm cắp tài sản dưới 2 triệu sẽ bị đưa ra xét xử. Tuy nhiên, điều này sẽ mâu thuẫn với điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 33. Bởi theo điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 33, những người được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt thì đương nhiên được xóa án tích. Nên nếu một người có hành vi trộm cắp tài sản năm 2008 và đã chấp hành xong hình phạt thì sẽ đương nhiên được xóa án tích và đến năm 2009, người này trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng sẽ không phạm tội. Như vậy, nếu có tiền án về tội trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng thì không được tính là có yếu tố định tội khác còn tiền sự về tội trộm cắp được coi là yếu tố định tội khác. Điều này đồng nghĩa với việc tiền án có lợi hơn tiền sự?

Về mặt thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận xóa án tích cũng còn có phần khó khăn. Cụ thể là đương sự phải làm đơn theo mẫu và giấy chứng nhận đã thi

hành án xong (cả phần hình phạt và phần dân sự). Tiếp đó là có Giấy chứng nhận không phạm tội mới sau khi chấp hành hình phạt tù của công an cấp quận, huyện cùng bản sao hộ khẩu, bản sao chứng minh nhân dân. Để có được Giấy chứng nhận không phạm tội mới, đương sự phải có giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú là có tiền bộ, chấp hành tốt các quy định. Nếu cư trú ở nhiều nơi khác nhau thì họ phải có giấy chứng nhận ở tất cả các nơi để công an cấp quận, huyện nơi cư trú hiện tại. Ngoài ra, việc quy định thẩm quyền xóa án tích chỉ thuộc về Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử người phạm tội cũng gây cho người xin xóa án tích khó khăn. Chẳng hạn như một người phạm tội đã bị một tòa án quận của thành phố Hà Nội xử sơ thẩm, sau khi chấp hành hình phạt xong, đương sự vào thành phố Đà Nẵng làm ăn sinh sống lâu dài, nếu cần phải xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích thì người này phải trở vào thành phố Hà Nội, đến đúng tòa án đã xử sơ thẩm mình để xin cấp Giấy chứng nhận xóa án tích. Hơn nữa, pháp luật hình sự chưa quy định về quyền kháng cáo của người có đơn xin xóa án tích theo trình tự phúc thẩm nếu như họ không đồng ý với quyết định của Chánh án nhất là quyết định bác đơn xin xóa án, đã làm hạn chế quyền của người xin xóa án tích.

Giải quyết vấn đề trên, BLHS 2015 đã quy định về thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xóa án tích, theo đó trường hợp đương nhiên xóa án tích theo quy định tại điều 70 BLHS năm 2015 thì giao cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 hoặc Khoản 3 Điều 70 BLHS. Đây là điểm tiến bộ, phù hợp với quy định của Luật Lý lịch tư pháp năm 2010. Tuy nhiên, đây là vấn đề mới, cần phải có hướng dẫn cụ thể nhằm đảm bảo áp dụng pháp luật thống nhất.

3.1.2.2. Việc quản lý thông tin về người có án tích còn yếu

Luật Lý lịch tư pháp năm 2010 đã mở rộng thẩm quyền cho Trung tâm

lý lịch tư pháp, theo đó, Trung tâm lý lịch tư pháp có nhiệm vụ tự động cập nhật lý lịch về xóa án tích đối với những trường hợp được đương nhiên xóa án tích. Tuy nhiên, trên thực tế việc quản lý thông tin về những người có án tích còn nhiều hạn chế, chưa cập nhật kịp thời và tích hợp dữ liệu trên diện rộng, nên nhiều vụ án khi xác định tiền án thì hầu như chỉ nắm được nơi đối tượng cư trú, thể hiện qua trích lục tiền án, tiền sự của Phòng hồ sơ thuộc Công an tỉnh, thành phố nơi được yêu cầu trích lục dẫn đến bỏ sót tiền án của đối tượng phạm tội, mặt khác đây cũng là nguyên nhân làm cho một số vụ án quá hạn điều tra vì phải ủy thác điều tra cho cơ quan điều tra các tỉnh khác để xác minh tiền án bị can.

Từ việc quản lý thông tin còn hạn chế nêu trên nên trong thủ tục xin xóa án tích phải có xác nhận không phạm tội mới của Công an cấp quận, huyện, nhưng thường không được xác nhận vì thực tế cơ quan này cũng không đủ thông tin để xác định họ có phạm tội mới hay không. Điều này gây ảnh hưởng quyền lợi của người bị kết án và ngành Tòa án Đà Nẵng phải linh động là chỉ cần xác nhận của xã, phường về việc không phạm tội mới là đáp ứng yêu cầu về thủ tục này.

Mặt khác chế định xóa án tích cũng có mối liên hệ trực tiếp với chế định lý lịch tư pháp, đây chính là nền tảng pháp lý để hình thành lên cơ chế quản lý, cung cấp thông tin về án tích của một cá nhân. Với mối liên hệ này, đặt ra các vấn đề cần giải quyết là: Cùng quan tâm đến án tích của một cá nhân nhưng hiện nay tồn tại cùng lúc 3 loại giấy tờ: Giấy chứng nhận xóa án (do Tòa án cấp), Giấy xác nhận không có tiền án (do công an tỉnh cấp) và Phiếu lý lịch tư pháp? Vai trò, thẩm quyền của cơ quan quản lý lý lịch tư pháp trong việc xóa án tích?

Về cơ sở vật chất phục vụ công tác lưu trữ hồ sơ của các cơ quan tiến hành tố tụng của thành phố Đà Nẵng còn rất lạc hậu, cán bộ làm công tác sắp

xếp, quản lý hồ sơ lưu trữ của ngành Tòa án, Kiểm sát toàn thành phố mỗi ngành chỉ có 01 cán bộ chuyên trách. Vì vậy, việc sắp xếp, lưu trữ hồ sơ không bảo đảm, dẫn đến việc tra cứu tiền án rất khó khăn. Cán bộ chuyên trách theo dõi về thi hành án hình sự nói chung trong đó có xóa án tích trong Tòa án các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện chỉ có 01 chuyên viên làm kiêm nhiệm, dẫn đến việc quản lý, theo dõi lĩnh vực này có lúc còn chưa sâu sát, kịp thời.

Việc lưu trữ còn hạn chế dẫn đến thất lạc hồ sơ, có trường hợp người phạm tội đã chấp hành xong bản án cách đây 20 năm, khi họ làm hồ sơ xuất cảnh thì trong tờ khai thể hiện họ có án tích, muốn xuất cảnh thì phải quay về làm thủ tục xóa án tích theo quy định của pháp luật, trên cơ sở đó Sở tư pháp mới đồng ý cấp phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu 2A thì họ mới làm các thủ tục tiếp theo. Tuy nhiên, khi về Tòa án sơ thẩm đã xử trước đây xin cấp giấy chứng nhận xóa án tích thì phải đảm bảo thu tục hồ sơ gồm: Đơn có xác nhận của UBND phường nơi cư trú, Bản án sơ thẩm (phúc thẩm), các loại hóa đơn, giấy tờ liên quan đến việc đã thực hiện xong nghĩa vụ các phần của quyết định trong bản án, nhưng bản thân họ không còn lưu giữ các loại giấy tờ trên và họ đến Tòa án xin sao lục thì Tòa án không còn lưu trữ vì thời gian và thất lạc do thời kỳ chia tách tỉnh ? Gây khó khăn cho người xin làm thủ tục xóa án tích.

3.1.2.3. Chưa có nhận thức đúng về xóa án tích

Có thể nói án tích để lại hậu bất lợi đối với người bị kết án và bị áp dụng hình phạt được thể hiện ở nhiều phương diện như trên nhưng thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về xóa án tích cho thấy, trên thực tế số người xin xóa án tích rất ít. Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến hết năm 2015, hai cấp Tòa án thành phố Đà Nẵng đã thực hiện việc cấp chứng nhận xóa án tích cho 95 trường hợp. Tuy nhiên, trong các

trường hợp xóa án tích này thì có đến 80 trường hợp thuộc dạng đương nhiên xóa án tích, chỉ có 09 trường hợp thuộc dạng xóa án tích theo quyết định của Tòa án và 06 trường hợp thuộc dạng xóa án tích trong trường hợp đặc biệt. So với số lượng án mà ngành Tòa án thành phố Đà Nẵng đưa ra xét xử hàng năm là quá thấp, vì mỗi năm số bị cáo bị Tòa án xét xử khoảng trên 1.000 bị cáo.

Nghiên cứu tình hình thực tế áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích của các Tòa án trong thành phố Đà Nẵng, cũng như qua việc thăm dò ý kiến của những người đã bị kết án đã xin xóa án tích hoặc không quan tâm đến việc xin xóa án tích, chúng ta có thể rút ra một số lý do chính như sau: Công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật của chúng ta chưa được quan tâm đúng mức. Pháp luật hình sự, mà cụ thể hơn là những quy định của pháp luật hình sự về xóa án tích chưa tới được từng người bị kết án cũng như gia đình và người thân của họ. Thực tế công tác xóa án tích tại các Tòa án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cho thấy, đại đa số những người bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt, có đầy đủ các điều kiện để được xóa án tích nhưng không xin xóa án tích. Việc không xin xóa án tích của những người này không phải là do họ không muốn được xóa án tích, mà họ chưa hiểu đúng bản chất pháp lý của việc xóa án tích và đồng thời họ cũng thấy thủ tục xóa án tích quá nhiều thủ tục, giấy tờ phức tạp. Họ nhìn nhận vấn đề xóa án tích như một thủ tục hành chính và thực tế người dân thường có cảm giác ngại hoặc sợ khi vướng mắc vào những thủ tục hành chính. Hơn nữa, những người đã có án thường có tâm lý mặc cảm với xã hội, họ không tự tin vào chính bản thân mình để hòa nhập với cuộc sống đời thường. Mặt khác, một số quy định của Bộ luật hình sự và BLTTHS cũng chưa phù hợp và chưa hợp lý.

Sự phân biệt giữa người phạm tội ít nghiêm trọng và người phạm tội rất nghiêm trọng là cần thiết đối với công tác lập pháp và đường lối trừng trị kẻ phạm tội, nhưng lại không cần đối với người đã chấp hành xong hình phạt tù và các hình phạt bổ sung khác. Theo người viết, Bộ luật hình sự không cần

quy định thành hai loại xóa án tích riêng biệt (đương nhiên xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án) mà chỉ cần quy định một loại xóa án tích. Điều này cũng phù hợp với thông lệ chung của pháp luật hình sự thế giới. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, của tội phạm mà người đó thực hiện và hình phạt đối với họ để quy định điều kiện đối với từng trường hợp khác nhau. Nếu một người có đủ các điều kiện do pháp luật quy định thì coi như họ đã được xóa án tích.

Thực tiễn công tác xét xử cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng (công an, tòa án và viện kiểm sát) chỉ quan tâm đến người phạm tội đã được xóa án tích hay chưa, vì nó liên quan đến việc xác định tình trạng tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đối với người phạm tội. Nếu căn cứ vào Điều 65 BLHS năm 1999 thì người được tòa án ra quyết định xóa án tích mới không bị coi là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, nhưng thực tế để công bằng, các Tòa án chỉ căn cứ vào điều kiện xin xóa án tích để xác định người phạm tội có tái phạm hay không.

Bên cạnh việc quy định của pháp luật về xóa án tích còn hạn chế và có nhiều cách hiểu khác nhau từ các cơ quan tiến hành tố tụng, thì việc nhận thức của người dân (người từng bị kết án) không thấy được hậu quả pháp lý của việc mình phải mang theo mình một án tích mà cho đến khi được Tòa án xóa án theo quy định pháp luật thì họ mới coi như là chưa can án hoặc coi như chưa từng bị kết án, dẫn đến sau khi chấp hành xong bản án, họ không quan tâm, hoặc không biết để liên hệ với Tòa án để được hướng dẫn làm thủ tục xóa án tích theo quy định pháp luật. Chỉ đến khi họ đi làm các thủ tục hành chính liên quan đến nhân thân thì mới tóa hỏa rằng phải có giấy chứng nhận xóa án tích thì mới đảm bảo các thủ tục tiếp theo.

Thiết nghĩ, Pháp luật cần quy định trong thời hạn gian chấp hành án (tại trại giam hoặc tại xã phường đối với trường hợp án treo, cải tạo không giam

giữ thì cơ quan tổ chức thi hành án phải tiến hành phổ biến kiến thức về xóa án tích sau khi chấp hành xong bản án để người bị kết án khi về cộng đồng có kiến thức nhất định nhằm hạn chế tỷ lệ gia tăng tội phạm.

3.2. Những đòi hỏi và giải pháp bảo đảm xóa án tích đúng pháp luật

3.2.1. Những đòi hỏi xóa án tích đúng pháp luật

Có thể thấy, xoá án tích là một chế định mang tính nhân đạo của luật hình sự, thể hiện sự thừa nhận của Nhà nước về mặt pháp lý việc người bị kết án đã có đủ điều kiện theo luật định để được coi là không còn mang án tích và do vậy họ không phải tiếp tục gánh chịu bất cứ hậu quả nào do việc kết án mang lại. Sự thừa nhận này nhằm khuyến khích những người bị kết án chấp hành nghiêm chỉnh bản án và cải tạo tốt để được sớm quay trở về hoà nhập cộng đồng.

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét xoá án tích đối với người bị kết án, BLHS năm 1999 dành 01 chương (Chương IX) với 5 điều quy định các vấn đề về xoá án tích: Điều 63 - Xoá án tích, Điều 64 - Đương nhiên được xoá án tích, Điều 65- Xoá án tích theo quyết định của Toà án, Điều 66 - Xoá án tích trong trường hợp đặc biệt và Điều 67 - Cách tính thời hạn để xoá án tích.

Tuy nhiên, theo báo cáo tổng kết thi hành BLHS năm 1999 của thành phố Đà Nẵng, quá trình xem xét xoá án tích đối với người bị kết án trong thời gian qua còn gặp một số khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích chính đáng của người bị kết án, cản trở quá trình tái hòa nhập cộng đồng.

Chẳng hạn, một trong những điểm nhân văn của BLHS là quy định trường hợp đương nhiên được xoá án tích, theo đó, người bị kết án sẽ được đương nhiên xoá án tích nếu trong thời hạn luật định kể từ ngày chấp hành xong bản án hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không phạm tội mới thì được xoá án tích và được toà án cấp Giấy chứng nhận.

Trên thực tế, Tòa án chỉ cấp Giấy chứng nhận đã được xoá án tích cho các đối tượng có đơn yêu cầu. Tuy nhiên, thủ tục xin giấy chứng nhận đã được xoá án tích hết sức phức tạp, gây phiền hà cho người bị kết án.

Thông thường, để được cấp Giấy chứng nhận, người bị kết án phải tự mình đến các cơ quan có liên quan xin chứng nhận, ví dụ: họ phải xin Giấy xác nhận đã chấp hành xong các hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án, xác nhận về việc không phạm tội mới, tuân thủ pháp luật. Những thủ tục này không hề đơn giản mà khó khăn cho những người mới chấp hành xong án hình sự. Mặt khác, muốn làm các xác nhận trên thì người bị kết án phải quay lại Tòa án đã xét xử sơ thẩm trước đó để xin sao lục bản án, quyết định của Tòa án mới có căn cứ xin xác nhận, có trường hợp đã xét xử quá lâu thì việc sao lục bản án không hề đơn giản, do công tác lưu trữ không đảm bảo và có trường hợp không sao lục được dẫn đến việc xin cấp giấy chứng nhận xoá án tích bị gián đoạn, ảnh hưởng đến quyền lợi cá nhân của người cần xin xoá án tích.

Theo quy định của Điều 67 BLHS 1999, thời hạn xem xét xoá án tích được tính từ thời điểm người bị kết án chấp hành xong bản án, tức là chỉ bắt đầu tính thời hạn xoá án tích kể từ thời điểm người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác tại bản án.

Quy định này có thể dẫn đến trường hợp người bị kết án dù đã chấp hành xong hình phạt chính hoặc đã chấp hành xong cả hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung nhưng chỉ vì chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung hoặc nghĩa vụ dân sự khác mà chưa được tính thời hạn để xoá án tích.

Một bất hợp lý khác là thời hạn xem xét để xoá án tích theo quy định hiện hành còn quá dài, kể cả đương nhiên được xoá án tích và xoá án tích theo quyết định của toà án, chưa tạo điều kiện để người đã chấp hành xong bản án nhanh chóng tái hoà nhập xã hội. Một mặt án tích thể hiện thái độ của Nhà

nước đối với người bị kết án, trường hợp chưa được xoá án tích mà còn phạm tội hoặc vi phạm pháp luật thì Tòa án có thể xác định là tình tiết cấu thành tội phạm “đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm”, hoặc tình tiết tăng nặng định khung trách nhiệm hình sự “tái phạm”, “tái phạm nguy hiểm” để xử lý người bị kết án phạm tội mới.

Mặt khác, án tích tác động và hạn chế việc thực hiện các quyền của người bị kết án như quyền được hành nghề, công việc nhất định, việc ứng cử,... và do đó ảnh hưởng đến việc tái hoà nhập cộng đồng của người bị kết án. Thời hạn xem xét xoá án tích càng dài thì mức độ ảnh hưởng càng lớn và có thể dẫn đến những tiêu cực lớn hơn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của người bị kết án và gia đình họ.

Theo phản ánh của các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, BLHS năm 1999 quy định hai loại xoá án tích là đương nhiên xoá án tích và xoá án tích theo quyết định của Tòa án đối với những trường hợp phạm tội an ninh quốc gia (Chương XI) hoặc các tội phá hoại hoà bình, chống loài người, gây chiến tranh xâm lược (Chương XXIV). Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định về xoá án tích cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng gặp khó khăn khi xem xét xoá án tích đối với trường hợp phạm nhiều tội, trong đó có tội thuộc nhóm đương nhiên được xoá án tích và có tội thuộc nhóm xoá án tích theo quyết định của Tòa án do BLHS năm 1999 chưa quy định vấn đề này.

Theo đánh giá của Bộ Tư pháp, tác động tích cực của phương án này là bảo đảm sự phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ và thực hiện quyền con người, đáp ứng các mục tiêu về cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; khuyến khích người đang chấp hình hình phạt tích cực học tập, lao động, cải tạo tốt, sống có trách nhiệm, có kỷ luật, tăng quyết tâm sửa chữa lỗi

làm, khắc phục nguyên nhân và điều kiện phạm tội; đồng thời cải cách thủ tục, điều kiện xoá án tích, tạo điều kiện để người bị kết án, đặc biệt là người chưa thành niên, nhanh chóng tái hoà nhập cộng đồng; bảo đảm hơn nữa các quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kết án; bảo đảm sự phù hợp, thống nhất và đồng bộ giữa hệ thống pháp luật về xoá án tích.

3.2.2. Các giải pháp bảo đảm xoá án tích đúng pháp luật

Từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng và các quy định về xoá án tích trong luật hình sự Việt Nam, trên cơ sở tổng kết công tác thực tiễn áp dụng chế định này của các cơ quan tố tụng trên địa bàn, người viết xin được đưa ra kiến nghị hướng hoàn thiện các quy định về xoá án tích theo BLHS năm 1999 như sau:

3.2.2.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về xoá án tích

Thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về “chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”*

Để Nhà nước pháp quyền hoạt động và tồn tại trước hết mọi tổ chức, cá nhân phải lấy pháp luật làm cơ sở và tuân thủ chấp hành, nhưng muốn đạt được điều đó thì phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật rõ ràng, khoa học và mang tính áp dụng thống nhất.

Chế định xoá án tích mang tính chất nhân đạo, tôn trọng quyền con người, quyền của công dân thể hiện nguyên tắc nhân đạo trong chính sách hình sự của Đảng ta đối với người bị kết án. Do vậy, khi sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2015 thì các nhà làm luật đã sửa đổi, bổ sung đều theo hướng có lợi cho người bị kết án, tạo điều kiện để học sớm hoà nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống và sống có ích cho xã hội. và BLHS năm 2015 đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2016; Theo đó, vấn đề xoá án tích quy

định tại chương X gồm 5 điều luật (từ điều 69 đến điều 73); Điều 89 quy định về xóa án tích đối với pháp nhân thương mại bị kết án và điều 107 quy định về xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án.

Tuy nhiên, do BLHS năm 2015 mắc phải một số lỗi kỹ thuật và không thể áp dụng từ ngày 01/7/2016. Do vậy, Quốc Hội khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016, theo đó, đã quyết định lùi hiệu lực thi hành của BLHS 2015 kể từ ngày 01/07/2016 cho đến ngày luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS 2015 có hiệu lực thi hành.

Các vấn đề về xóa án tích đã được sửa đổi bổ sung trong BLHS 2015 là tiến bộ, rõ ràng hơn về điều kiện, thủ tục, thời hạn xóa án tích được rút ngắn, tuy chưa có hiệu lực thi hành, nhưng quan điểm cá nhân tác giả hoàn toàn đồng ý với những gì đã sửa đổi bổ sung trong BLHS 2015, cần được duy trì và có hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất.

Tôi hoàn toàn đồng ý với quy định tại khoản 2 Điều 69 và Điều 107 của BLHS năm 2015 quy định rõ 05 trường hợp người bị kết án không bị coi là có án tích. Đó là: Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi bị kết án không kể về tội gì; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý; người dưới 18 tuổi phạm tội bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; người đã thành niên bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng; người được miễn hình phạt.

Cùng với việc bổ sung chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, BLHS năm 2015 cũng đã bổ sung quy định pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích khi nếu trong thời hạn hai năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới (Điều 89).

BLHS năm 2015 đã bỏ quy định Tòa án cấp giấy chứng nhận đương nhiên được xóa án tích cho người bị kết án, đồng thời, giao trách nhiệm cho Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (LLTP) cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp Phiếu LLTP xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 70 của BLHS. Do vậy cần hoàn thiện các văn bản hướng dẫn áp dụng Luật lý lịch tư pháp năm 2010 thống nhất.

3.2.2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật

Thực tiễn của việc xóa án tích trong những năm qua cho thấy, ngay chính bản thân người đã bị kết án, đã chấp hành xong hình phạt, bởi những lý do khác nhau mà không có đơn yêu cầu Tòa án cấp Giấy chứng nhận hoặc quyết định về xóa án tích. Điều đó gây không ít khó khăn cho các cơ quan áp dụng pháp luật, đặc biệt là khi cần xác định có tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm hay không. Do vậy, điều quan trọng là phải tăng cường tuyên truyền phổ biến các quy định của Bộ luật hình sự nói chung và các quy định của chế định xóa án tích nói riêng. Có như vậy, mới phát huy được giá trị và vai trò đích thực của các chế định của Bộ luật hình sự nói chung và chế định xóa án tích nói riêng đối với việc đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm trong điều kiện đổi mới của đất nước.

3.2.2.3. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước cơ thẩm quyền trong việc xóa án tích

Với những điểm sửa đổi, bổ sung của BLHS năm 2015, kết hợp với các quy định có liên quan của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, chúng tôi nhận thấy, có một số vấn đề đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về lý lịch tư pháp (LLTP) và nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý tư pháp để bảo đảm sự phù hợp với BLHS và BLTTHS.

Một là, theo quy định mới của BLHS năm 2015 thì ngoài năm trường hợp người bị kết án không bị coi là có án tích như đã nêu trên, diện những người bị kết án phải mang án tích còn lại là rất hẹp so với quy định của BLHS năm 1999, theo đó, người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chỉ bị coi là có án tích trong trường hợp: (1) bị kết án về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; (2) bị kết án do lỗi cố ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng. Hoặc, người từ đủ 18 tuổi trở lên chỉ bị coi là có án tích trong trường hợp: (1) bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; (2) bị kết án do lỗi cố ý về tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng. Do vậy, cần có sự điều chỉnh phù hợp về đối tượng quản lý LLTP cũng như các quy định về phạm vi lập hồ sơ LLTP; loại giấy tờ mà các cơ quan phải gửi cho Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP; ...

Hai là, BLHS năm 2015 đã rút ngắn thời hạn xóa án tích và điều chỉnh mốc tính thời hạn xóa án tích sớm hơn. Đây là những quy định làm cơ sở cho việc điều chỉnh các quy định có liên quan đến việc xác minh điều kiện xóa án tích; cập nhật thông tin về án tích.

Ba là, BLHS 2015 đã giao hẳn cho Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP theo dõi vấn đề xóa án tích đương nhiên của người bị kết án. Do vậy, Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP cần phải đề cao trách nhiệm của mình và phải chủ động trong việc theo dõi, cập nhật thông tin về án tích, đặc biệt là trong việc tiến hành xác minh các điều kiện đương nhiên xóa án tích để bảo đảm đáp ứng thời hạn cấp Phiếu LLTP liên quan đối với trường hợp đương nhiên xóa án tích quy định trong BLHS và BLTTHS .

KẾT LUẬN

Trong quá trình nghiên cứu chế định xóa án tích theo Luật hình sự Việt Nam và những điểm mới về xóa án tích trong BLHS 2015 và BLTTHS 2015, sau khi phân tích, đánh giá, và so sánh các quy định của pháp luật giữa cũ và mới và thực tiễn áp dụng pháp luật về xóa án tích trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thì nhận thấy Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đã thể hiện bước phát triển mới trong lĩnh vực lập pháp hình sự thể hiện bản chất nhân đạo của pháp luật hình sự nước ta, đáp ứng cơ bản với yêu cầu của tình hình mới, đã giải quyết được một cách khoa học nhiều vấn đề cơ bản của luật hình sự, trong đó có vấn đề xóa án tích, nhất là việc quy định các trường hợp xóa án tích cụ thể hơn, góp phần tạo cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho các cơ quan áp dụng pháp luật đấu tranh phòng và chống tội phạm trong điều kiện, hoàn cảnh mới. Tuy nhiên, vẫn còn một số quy phạm của luật hình sự liên quan đến chế định xóa án tích trong Bộ luật hình sự năm 1999 còn có những bất cập, thiếu đồng bộ và tính khả thi. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn một số chế định của Bộ luật hình sự, trong đó có những quy định về xóa án tích, còn có những nhận thức không thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Qua nghiên cứu người viết xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về xóa án tích theo hướng nhân đạo hơn, phù hợp với xu thế chung của pháp luật hình sự thế giới là không có án tích hoặc chỉ có một hình thức xóa án tích duy nhất là đương nhiên xóa án tích, đồng thời rút ngắn thời hạn xóa án tích, bổ sung quy định về xóa án tích đối với hình phạt trực xuất, quy định thêm về thời hạn xóa án tích đối với hình phạt tù chung thân, tử hình, đơn giản hóa thủ tục xóa án tích và giao trách nhiệm cho cơ quan tố tụng trong việc xác minh điều kiện xóa án tích. Trong luận văn này

người viết chưa thể giải quyết hết được những nội dung cơ bản của chế định xóa án tích theo luật hình sự Việt Nam, do xóa án tích là một vấn đề phức tạp và chưa được nghiên cứu nhiều.

Xóa án tích là một trong những chế định độc lập, quan trọng của luật hình sự Việt Nam, phản ánh nguyên tắc công minh, nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và của luật hình sự Việt Nam nói riêng. Chế định xóa án tích đã ngày càng thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của các nhà luật học trong và ngoài nước. Việc nghiên cứu cho thấy, xóa án tích là một chế định phức tạp, chứa đựng nhiều nội dung phong phú nên còn nhiều nội dung vẫn còn có những ý kiến khác nhau, cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chế định. Mặt khác, cùng với sự vận động và phát triển của hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, những nội dung gắn với chế định xóa án tích cũng luôn vận động và phát triển. Vì vậy, việc nghiên cứu chế định xóa án tích luôn là việc làm có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, không những góp phần vào việc giải thích, hướng dẫn, tạo sự nhận thức và áp dụng đúng đắn các quy phạm pháp luật liên quan đến chế định xóa án tích mà còn có ý nghĩa góp phần tiếp tục hoàn thiện chế định này trong thời gian tới. Mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu về chế định xóa án tích, song kết quả của các công trình nghiên cứu đó cho thấy còn nhiều nội dung liên quan đến chế định xóa án tích vẫn chưa có sự thống nhất về nhận thức, thậm chí chưa có sự thống nhất ngay cả nội dung cơ bản của xóa án tích như: Khái niệm án tích, hết án tích, xóa án tích; cách tính thời hạn xóa án tích; trình tự thủ tục xóa án tích....

Trong luận văn tập trung phân tích và đề cập đến giải pháp trước mắt cũng như lâu dài nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế từ thực tiễn.

Kính mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp, chia sẻ của quý Thầy, Cô và đồng nghiệp để đề tài được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bộ luật hình sự Liên bang Nga.*
2. *Bộ luật hình sự Nhật Bản.*
3. *Bộ luật hình sự Thái Lan.*
4. *Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985.*
5. *Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999.*
6. Bộ Tư pháp, Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, NXB Bách Khoa NXB Tư Pháp, Hà Nội.
7. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự*, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Phạm Hồng Hải (2001), “Một vài ý kiến về chế định tái phạm, tái phạm nguy hiểm theo quy định trong BLHS năm 1999”, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 04), tr. 14.
11. Nguyễn Ngọc Hòa (2010), *Mô hình Luật Hình sự Việt Nam*, NXB CAND, Hà Nội.
12. Nguyễn Ngọc Hòa (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, NXB Tư Pháp, Hà Nội.
13. Phạm Thị Học (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

14. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/08 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
15. Lê Trung Khôi (2009), *Xóa án tích theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Luật Hồ Chí Minh.
16. Nguyễn Thị Lan (2003), *Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Lê Văn Luật (2010), “Một số vướng mắc cần tháo gỡ khi thực hiện Nghị quyết 33/2009/NQ- QH 12 ngày 19/6/2009 về việc thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số Điều Bộ luật hình sự”, Tạp chí Kiểm sát, (số 4), tr.40.
18. Uông Chu Lưu (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999- tập I - phần chung*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Nguyễn Xuân Nghiệp (2006), *Chế định xóa án tích trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
20. Trần Đình Nhã (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Minh Phương (2001), *Chế định xóa án tích trong Bộ luật hình sự năm 1999*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội.
22. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm năm 1999 (phần chung)*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
23. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Quốc Hội (2006), *Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. Quốc hội (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

28. Quốc Hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
29. *Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa 13*
30. Hồ Sỹ Sơn (2001), "Án tích theo Bộ luật hình sự Việt Nam 1999", Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 12), tr.64-65.
31. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
32. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (2012), *Báo cáo tổng kết năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2013*, Đà Nẵng.
33. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (2013), *Báo cáo tổng kết năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2014*, Đà Nẵng.
34. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (2014), *Báo cáo tổng kết năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2015*, Đà Nẵng.
35. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (2015), *Báo cáo tổng kết năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2016*, Đà Nẵng.
36. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (2016), *Báo cáo tổng kết năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2017*, Đà Nẵng.
37. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Trịnh Tiến Việt (2008), *Một số quy định của phần chung Bộ luật hình sự năm 1999 cần tiếp tục hoàn thiện*, Hội thảo Khoa học cấp khoa của Đại học Luật Hà Nội tháng 9/ 2008, tr. 158.
39. Trịnh Tiến Việt (2012), *Hoàn thiện các quy định của Phần chung Bộ luật hình sự trước yêu cầu mới của đất nước*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
40. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.